

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN



NĂM 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024



NỘI DUNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

06

GIỚI THIỆU CÔNG TY

- 07 Thông tin khái quát
- 08 Lịch sử hình thành và phát triển
- 09 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 17 Mô hình quản trị và Sơ đồ tổ chức
- 18 Rủi ro
- 20 Mục tiêu và định hướng phát triển

22

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 23 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 24 Tổ chức và nhân sự
- 39 Tình hình tài chính
- 40 Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
- 44 Thông tin cổ phiếu và cổ đông RTB
- 46 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

50

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

- 51 Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- 53 Tình hình tài chính
- 54 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý
- 57 Kế hoạch phát triển tương lai

58

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 59 Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
- 61 Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc
- 61 Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

63 QUẢN TRỊ CÔNG TY

87 QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

89 BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2024

THÔNGIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý Cổ đông!

Năm 2024, nền kinh tế Việt Nam đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức cả về nội tại và bên ngoài. Nền kinh tế thế giới trải qua một năm nhiều biến động khó lường. Trong nước, khó khăn, thách thức đầu tiên có thể kể đến là xử lý những vướng mắc, bất cập trong nội tại nền kinh tế đã tồn đọng, tích tụ nhiều năm qua; đồng thời phải ứng phó với các vấn đề bất ngờ phát sinh, đặc biệt là hậu quả của bão số 3 (Yagi). Song, Việt Nam đã bền bỉ, nỗ lực vượt qua từng khó khăn để phấn đấu đưa nền kinh tế phục hồi và tăng trưởng.

Theo đó, trong năm 2024, Ngành cao su Việt Nam đã ghi nhận những kết quả tích cực. Theo thông tin từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong tháng 11 năm 2024, Việt Nam đã xuất khẩu 220 ngàn tấn cao su, trị giá 424,3 triệu USD. Tính chung 11 tháng năm 2024, Việt Nam đã xuất khẩu 1,8 triệu tấn cao su, trị giá 2,95 tỷ USD (giảm 6% về lượng nhưng tăng 17,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023).

Về thị trường, Trung Quốc là quốc gia tiêu thụ cao su lớn nhất của Việt Nam trong 11 tháng năm 2024 với thị phần chiếm 67,6%, tiếp theo là Ấn Độ chiếm 7,7% thị phần, các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu (EU) chiếm 6% thị phần và Hàn Quốc chiếm 2,5% thị phần. Trong nhóm 15 thị trường xuất khẩu lớn nhất, giá trị xuất khẩu cao su tăng ở tất cả các thị trường, trong đó mạnh nhất là Malaysia tăng 5 lần và Srilanka tăng 3,7 lần.

Trong năm 2024, ngành cao su đã gặp phải thách thức lớn bởi quy định không phá rừng của EU. Theo đó, EU yêu cầu các sản phẩm cao su nhập khẩu vào thị trường này phải chứng minh rõ nguồn gốc và tuân thủ các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường. Nhưng với việc đáp ứng đầy đủ các yêu cầu và không ngừng cải thiện chất lượng sản phẩm đã giúp ngành xuất khẩu cao su tăng trưởng mạnh mẽ, khẳng định vị thế trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2024 trong điều kiện khó khăn và nhiều thách thức:

Tổng diện tích cao su của Công ty là 5.542,03 ha; trong đó: Diện tích khai thác là 2.369,62 ha chiếm 42,7% (diện tích tự khai thác là 1.738,97 ha, diện tích nhượng quyền khai thác 630,65 ha); Diện tích cao su kiến thiết cơ bản là 2.639,82 ha, chiếm 47,6%. Diện tích tái canh là 532,59ha, chiếm 9,61%. Hơn 40% diện tích vườn cây khai thác của Công ty đang trong giai đoạn già cỗi, miệng cạo cao (diện tích vườn cây nhóm 3 và tận thu: 966,50 ha, chiếm 40,79%). Diện tích vườn cây nhóm 1: 1.403,12 ha, chiếm 59,21%. Năng suất vườn cây thấp 1,34 tấn/ha.

Tình trạng nắng hạn kéo dài từ cuối tháng 12/2023 đến tháng 4/2024, đầu tháng 5/2024 thời tiết mới có mưa rải rác nên Công ty tổ chức cạo xả trễ hơn 1 tháng so với năm 2023 (năm 2023 cạo xả đầu tháng 4); mặt khác vào tháng 09/2024 cơn bão Yagi ảnh hưởng ít nhiều đến tiến độ thực hiện kế hoạch sản lượng và ảnh hưởng đến sinh trưởng, chất lượng vườn cây trồng tái canh năm 2024.

Tình trạng thiếu hụt lao động, sản lượng vườn cây thấp do năng suất thấp 1,33 tấn/ha, các yếu tố bất lợi về thời tiết và đặc biệt tình hình mất cắp mù diễn biến phức tạp, khó khăn trong công tác bảo vệ mù cao su khai thác trên vườn cây làm ảnh hưởng đến công tác thực hiện sản lượng khai thác.

Trong bối cảnh đó, dưới sự quản lý, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và sự điều hành của Ban Tổng Giám đốc cùng với sự nỗ lực vượt bậc, quyết tâm cao của toàn thể người lao động, Công ty đã chung sức, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, thử thách hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh

năm 2024, tục xây dựng RTB ngày càng lớn mạnh và vững bước trên con đường phát triển của mình.

Trong năm 2025 và những năm tiếp theo, để đa dạng hóa nguồn thu, Công ty sẽ xin chủ trương đầu tư 2 Cụm công nghiệp với diện tích 146,55 ha.

Bên cạnh đó, để đảm bảo quy định là Công ty đại chúng. Công ty sẽ xin chủ trương của Chủ sở hữu giảm vốn nắm giữ của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam xuống dưới 90%.

Lãnh đạo Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên luôn ý thức được sự khó khăn ở phía trước, tập thể Hội đồng quản trị vẫn tin tưởng với chiến lược phát triển dài hạn của Công ty cũng như chính sách trọng tâm về kinh doanh sẽ mang lại những kết quả tốt đẹp cho Công ty trong năm 2024 và tương lai. Hội đồng quản trị xin trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm và ủng hộ của Quý cổ đông, toàn thể cán bộ công nhân viên và người lao động, xin hứa với quyết tâm cao nhất để hoàn thành tốt hơn nữa kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025, nâng thương hiệu của RTB lên một tầm cao mới, khẳng định sự phát triển bền vững của ngành cao su Việt Nam nói chung và của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên nói riêng.

Trân trọng kính chào.



I. GIỚI THIỆU CÔNG TY

- ❖ Thông tin khái quát
 - ❖ Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
 - ❖ Lịch sử hình thành và phát triển
 - ❖ Mô hình quản trị và Sơ đồ tổ chức
 - ❖ Rủi ro
 - ❖ Mục tiêu và định hướng tương lai
-

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty	: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN
Tên tiếng anh	: TANBIEN RUBBER JOINT STOCK COMPANY
Logo	
Vốn điều lệ	: 879.450.000.000 đồng (Tám trăm bảy mươi chín tỷ, bốn trăm năm mươi triệu đồng)
Mã cổ phiếu	: RTB
Trụ sở chính	: Tổ 2, ấp Thạnh Phú – xã Tân Hiệp – huyện Tân Châu – tỉnh Tây Ninh
Điện thoại	: 0276.3875193 – 3875266
Fax	: 0276.3875307
Email	: tbrc@tabiruco.vn
Website	: www.tabiruco.vn
Giấy chứng nhận ĐKKD	: Giấy chứng nhận ĐKKD: 3900242832 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 09/01/2025. Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (bổ sung ngành nghề kinh doanh) do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 25/04/2022.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1985 Công ty bắt đầu thành lập từ ngày 20/12/1985 trên cơ sở sáp nhập giữa Công ty Cao su Bắc Tây Ninh - thuộc UBND Tỉnh Tây Ninh- và Công ty Cao su Thiện Ngôn - thuộc Tổng Cục Cao su Việt Nam, với diện tích 6,151 Ha.

2009 Công ty Cao su Tân Biên được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên theo quyết định số 340/QĐ – HĐQTCSVN ngày 24/12/2009, về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Cao su Tân Biên thành Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

2016 Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam đã ban hành Quyết định số 15A/QĐ-HĐTVCSVN ngày 15/01/2016 Về việc phê duyệt Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên.

Ngày 11/03/2016, Công ty đã Tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Ngày 21/4/2016 Công ty đã tổ chức Họp Đại hội đồng Cổ đông lần đầu Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên, tại Đại hội đã Thông qua Điều lệ Tổ chức và hoạt động, bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty.

Ngày 29/4/2016 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, Mã số doanh nghiệp 3900242832. Hoạt động với hình thức Công ty Cổ phần kể từ ngày 01/5/2016. Vốn điều lệ là 879.450 triệu đồng.

Ngày 07/11/2016 Cổ phiếu RTB của Công ty được giao dịch phiên đầu tiên trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX); Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là: 18.700 đồng/cổ phiếu.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

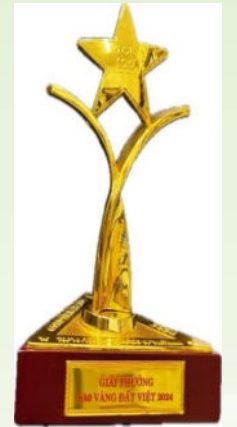
STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Trồng cây cao su	0125(Chính)
2	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh Chi tiết: Sản xuất cao su thiên nhiên	2013
3	Sản xuất phân bón và hợp chất nito	2012
4	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp Chi tiết: cây cao su giống	0130
5	Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: bán buôn cây giống cao su	4620
6	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
7	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
8	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế	4663
9	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai	1104
10	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
11	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: sản xuất vật tư khai thác cao su	2599
12	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: sản xuất chai nhựa PET	2220
13	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: bán buôn cao su, sản phẩm bao bì và các sản phẩm khác từ plastic	4669
14	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
15	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
16	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
17	Khai thác gỗ	0220
18	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) Chi tiết: Đầu tư tài chính.	6499
19	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ Chi tiết: Chế biến gỗ cao su	1610
20	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu	4773
21	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa	5229
22	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư, khu thương mại (theo quy định của tỉnh); kinh doanh bất động sản	6810
23	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Đầu tư, xây dựng và sửa chữa công trình đường bộ.	4210
24	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
25	Chăn nuôi gia cầm	0146
26	Trồng cây ăn quả	0121

27	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
28	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
29	Trồng cây lâu năm khác	0129
30	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
31	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
32	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
33	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
34	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
35	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
36	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
37	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
38	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
39	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và nội thất tương tự	4649
40	Khai thác đá	08101
41	Sản xuất điện Chi tiết: Điện mặt trời	35116
42	Truyền tải và phân phối điện	3512
43	Trồng cây hàng năm khác	0119

Địa bàn kinh doanh



NHỮNG GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU





Sản phẩm tiêu biểu



CAO SU SVR 3L



CAO SU SVR 10



CAO SU SVR 20



CAO SU SVR CV50



CAO SU SVR CV60

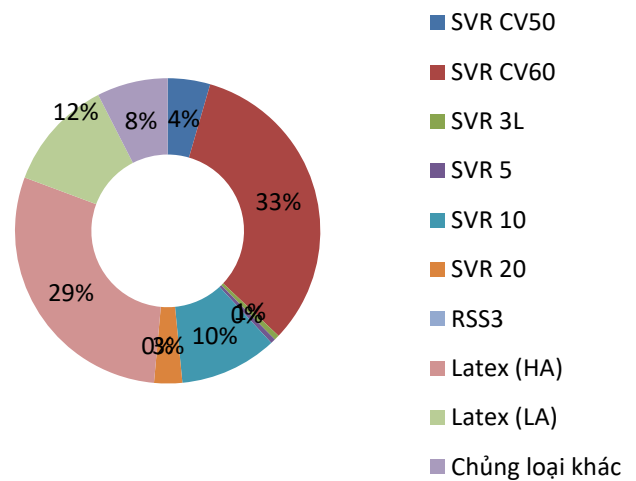
CAO SU LY TÂM (HA)



CAO SU LY TÂM (LA)



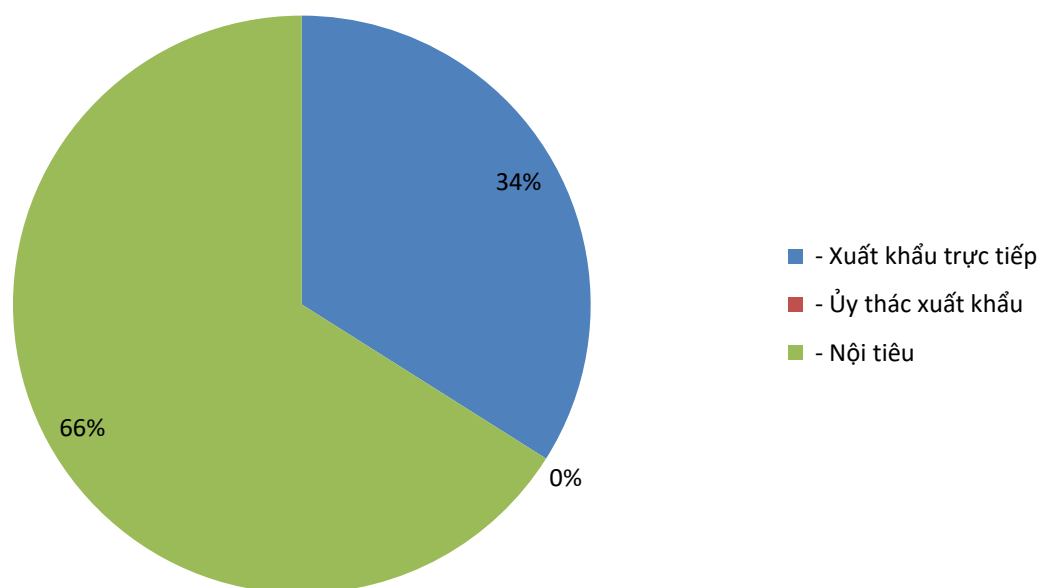
CƠ CẤU SẢN LƯỢNG CAO SU CHẾ BIẾN THEO SẢN PHẨM



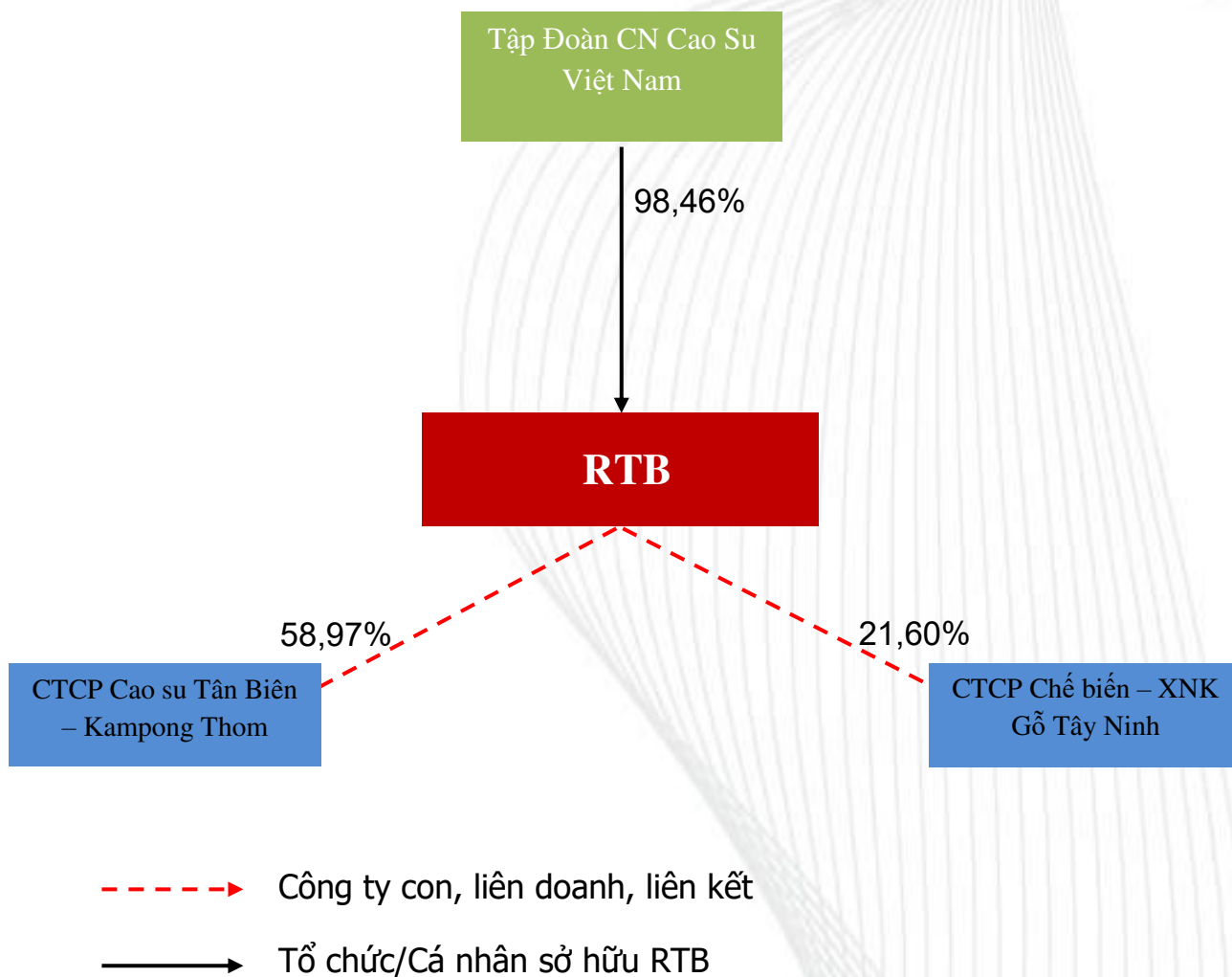
Cơ cấu doanh thu

Kênh tiêu thụ	Năm 2023		Năm 2024	
	Sản lượng (tấn)	Giá trị (tr.đồng)	Sản lượng (tấn)	Giá trị (tr.đồng)
Cao su tự khai thác	2.429	82.604	2.468	119.178
Cao su thu mua	894	31.689	879	40.804
Cao su thương mại	15.780	511.181	11.388	464.572
Hoạt động thanh lý	631,35ha	132.541	480,29ha	189.860

Tỷ trọng sản phẩm tiêu thụ



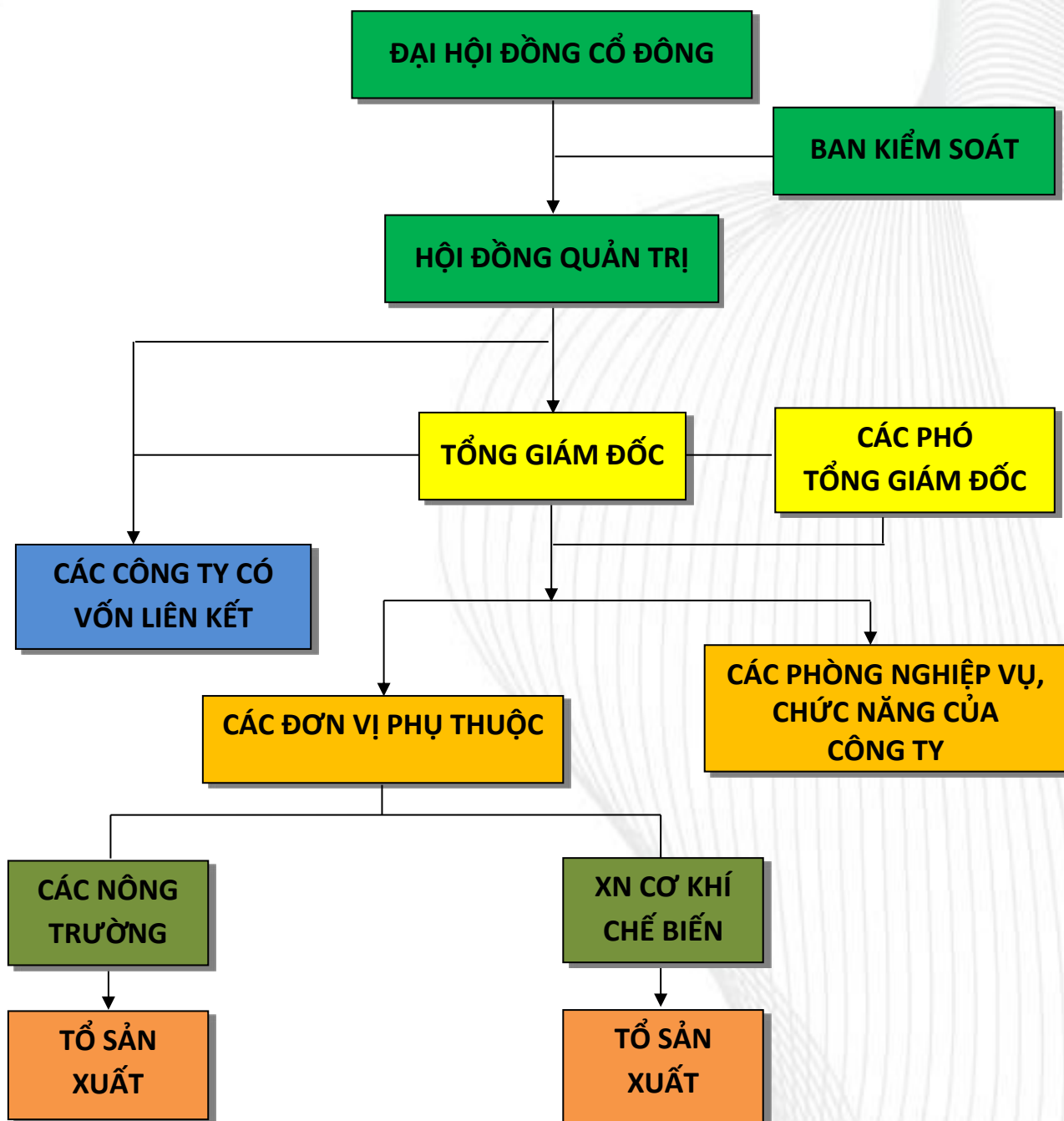
Mô hình quản trị



*Công ty con, liên doanh, liên kết:

1.Công ty con	Công ty CPCS Tân Biên – Kampong Thom
Địa chỉ:	Tổ 8, ấp Thanh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
Vốn điều lệ:	1.434 tỷ đồng
Tỷ lệ góp vốn	58,97% (Số vốn góp tính đến 31/12/2024: 845,6 tỷ đồng, đã góp đủ 100%)
Ngành nghề kinh doanh	Trồng, chăm sóc và khai thác cao su
2.Công ty liên kết	Công ty CP chế biến – XNK Gỗ Tây Ninh
Địa chỉ:	Lô H1, đội G1, thuộc Nông Trường Cao Su Gò Dầu, ấp Bến Muong, Xã Thạnh Đức, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh
Vốn điều lệ	50 tỷ đồng
Tỷ lệ góp vốn	21,60% (Số vốn góp tính đến 31/12/2024: 10,8 tỷ đồng, đã góp đủ 100%)
Ngành nghề kinh doanh	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Khai thác gỗ; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác

Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý



RỦI RO

Rủi ro về thị trường

Ngành cao su phụ thuộc lớn vào nhu cầu từ các thị trường xuất khẩu, đặc biệt là Trung Quốc. Nếu nhu cầu giảm sút do suy thoái kinh tế hoặc thay đổi trong chính sách thương mại, doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp cao su sẽ bị ảnh hưởng mạnh.

Ngoài ra, những biến động về giá cả là yếu tố then chốt tác động đến hiệu quả kinh doanh của công ty. Hiện nay, nước ta vẫn phụ thuộc khá nhiều vào biến động giá cao su thế giới, mức độ chủ động về giá còn thấp. Kèm theo đó là khả năng dự báo giá vẫn còn hạn chế. Vì vậy, những biến động giá cao su trên thị trường sẽ là rủi ro không nhỏ đối với các doanh nghiệp cao su nói chung và CTCP Cao su Tân Biên nói riêng.

Rủi ro về tỷ giá

Là doanh nghiệp kinh doanh cao su, với định hướng xuất khẩu chiếm khoảng tỷ lệ cao trên tổng doanh thu hàng năm của công ty vì vậy biến động tỷ giá VND so với các đồng ngoại tệ khác, đặc biệt là USD là yếu tố quan trọng tác động đến hiệu quả kinh doanh của công ty.

Rủi ro tín dụng

Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

- Phải thu khách hàng: Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định
- Tiền gửi ngân hàng: Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín của Việt Nam, Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.



Rủi ro về lãi suất

Chính sách lãi suất của Ngân hàng Nhà nước có thể ảnh hưởng đến chi phí vay mượn của doanh nghiệp, đặc biệt trong các thời kỳ nền kinh tế có dấu hiệu lạm phát hoặc suy thoái. Vì vậy Công ty đã chủ động các phương án dự phòng để hạn chế thấp nhất rủi ro do biến động lãi suất. Đồng thời, công ty cũng tích cực tìm kiếm các nguồn vay với lãi suất ưu đãi, điều chỉnh cơ cấu vốn phù hợp.

Rủi ro dịch bệnh, thời tiết

Cao su là cây lâu năm, năng suất cao hay thấp, cây tăng trưởng tốt hay không tốt phụ thuộc rất nhiều vào công tác chăm sóc và trồng trọt. Tuy nhiên một mối hiểm nguy cho vườn cây cao su đó là nạn dịch bệnh và thời tiết mưa bão hàng năm. Việc kiểm soát tốt dịch bệnh sẽ giúp bảo vệ vườn cây phát triển ổn định tạo năng suất khai thác cao, giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh cho công ty.

Ngoài ra, về yếu tố thời tiết thì nằm ngoài tầm kiểm soát của con người. Vì vậy, cần phải có những biện pháp phòng ngừa và đối phó kịp thời trước những diễn biến của thời tiết như: mưa, bão, lốc xoáy,... để làm sao hạn chế thấp nhất mức thiệt hại cho vườn cây khai thác. Để từ đó duy trì một vườn cây tốt và phát triển bền vững.

Rủi ro về môi trường

Công ty ít chịu rủi ro về môi trường do Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

Rủi ro dự án cao su tại Campuchia do Công ty Con làm chủ đầu tư

Bất đồng ngôn ngữ cũng như sự am hiểu về luật định, phong tục tập quán, thói quen làm việc của người Campuchia.

Lực lượng công nhân lao động người Campuchia thì không ổn định, biến động liên tục, nhất là sau mỗi đợt phát lương, Lễ hội ,...



Mục tiêu chung & Định hướng phát triển

- Phát triển ổn định, bền vững, định hướng phát triển lâu dài là ưu tiên hàng đầu.
- Ưu tiên hợp tác các dự án SX sản phẩm từ cao su, nhằm ngày càng hạn chế xuất bán cao su thô.
- Duy trì tình hình tài chính công khai, minh bạch, chính xác và đúng luật.
- Định hướng, đào tạo nhân sự mạnh, trung thành, năng động và hiệu quả phù hợp với văn hoá của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên.
- Tối đa hoá lợi ích cho Cổ đông, kết hợp với việc chăm sóc quyền lợi chính đáng cho Công nhân lao động.
- Phát triển thêm diện tích trồng cao su kết hợp với tìm kiếm thị trường và công nghệ SX cao su tiêu dùng, hạn chế dần việc xuất cao su thô.
- Tìm kiếm thị trường tiềm năng mới kết hợp với việc nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao cho khách hàng.
- Chuyển đổi một số diện tích đất sang trồng các cây hiệu quả hơn, có điều kiện để ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và phát triển các khu công nghiệp, dịch vụ, khu dân cư, điện năng lượng mặt trời phù hợp với quy hoạch của tỉnh Tây Ninh, phát triển công ty theo hướng bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của người lao động.



Chiến lược quản lý đảm bảo thực hiện hoàn thành chiến lược chung

- Tiếp tục phát huy các thành quả đã đạt được, khắc phục tồn tại của năm 2024.
- Giữ vững và nâng cao uy tín thương hiệu. Quan tâm không ngừng mở rộng thị trường, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới theo xu hướng đa dạng hóa. Nâng dần tỷ trọng sản phẩm có giá trị kinh tế cao. Tiếp tục vận hành hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và hệ thống ISO 14001:2015. Tiếp tục thực hiện duy trì Chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo VFCS/PEFC. Hoàn thành và duy trì quy định về chống phá rừng của Liên minh Châu Âu EUDR.
- Nâng cao vai trò quản lý của Cán bộ các cấp, tiếp tục cải tiến các định mức kinh tế kỹ thuật.
- Triệt để thực hành tất cả các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao vai trò của lực lượng Bảo vệ, phối hợp tốt với chính quyền địa phương để hạn chế các hiện tượng tiêu cực.
- Đổi mới quản lý. Thường xuyên đào tạo và bồi dưỡng năng lực cán bộ các cấp nhằm đáp ứng với yêu cầu trong tình hình mới. Ứng dụng các tiến bộ công nghệ vào quản lý và sản xuất.
- Tăng cường công tác thu mua, gia công để bù đắp sản lượng giảm, đảm bảo công suất máy và tăng thu nhập người lao động.
- Tăng cường công tác quản lý Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên – Kampong Thom để đảm bảo hiệu quả đầu tư cao nhất.
- Tiếp tục tích cực chăm lo đến đời sống và điều kiện làm việc cho người lao động.
- Các tổ chức đoàn thể phấn đấu cải tiến phương thức hoạt động, góp phần hỗ trợ hoạt động kinh doanh ngày càng phát triển.





II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- ❖ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
 - ❖ Tổ chức và nhân sự
 - ❖ Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
 - ❖ Tình hình tài chính
 - ❖ Thông tin cổ đông
 - ❖ Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty
-

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu công ty mẹ	Đvt	Thực hiện	Thực hiện	% KH
		Năm 2023	Năm 2024	Năm 2024
Diện tích cao su khai thác, trong đó:	Ha	2.311	2.370	100%
+ Diện tích cao su Công ty tự khai thác	Ha	2.147	1.739	88%
+ Diện tích cao su nhượng bán quyền khai thác	Ha	164	631	157%
Sản lượng cao su khai thác	Tấn	2.887	2.283	91%
Năng suất cao su khai thác	Tấn/ha	1,34	1,31	103%
Sản lượng cao su tiêu thụ	Tấn	19.104	14.735	128%
Tổng doanh thu	Tr đồng	883.555	904.106	140%
Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	235.272	278.314	122%
Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	208.013	237.253	123%

Năm 2024, tổng sản lượng cao su tiêu thụ của Công ty năm 2024 đạt 14.735,04 tấn cao su các loại, đạt 128 % so với kế hoạch. Trong đó:

+ Nội tiêu được: 9.731,16 tấn.

+ Xuất khẩu được: 5.003,88 tấn.

Bên cạnh đó nhờ hoạt động thanh lý vườn cây giúp mang về doanh thu hơn 189,860 tỷ đồng. Kết thúc năm 2024, Công ty mẹ đạt tổng lợi nhuận trước thuế là 278,314 tỷ đồng vượt 22% so với kế hoạch.



TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

STT	Tên thành viên	Chức vụ	Tư cách thành viên
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
01	Lê Thị Bích Lợi	Chủ Tịch HĐQT	Thành Viên Điều Hành (Miễn nhiệm ngày 02/12/2024)
02	Trương Văn Cư	Chủ Tịch HĐQT	Thành Viên Điều Hành (Bổ nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT ngày 02/12/2024)
03	Dương Tấn Phong	TV. HĐQT	Thành Viên Điều Hành
04	Lâm Thanh Phú	TV. HĐQT	Thành Viên Điều Hành
05	Đỗ Quốc Tuấn	TV.HQQT	Thành Viên Độc Lập
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC			
01	Trương Văn Cư	Tổng Giám Đốc	Thành Viên Điều Hành (Miễn nhiệm ngày 02/12/2024)
02	Lâm Thanh Phú	Tổng Giám Đốc	Thành Viên Điều Hành (Bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám Đốc ngày 30/12/2024)
03	Dương Tấn Phong	Phó Tổng Giám Đốc	Thành Viên Điều Hành
04	Trần Văn Toàn	Phó Tổng Giám Đốc	Thành Viên Điều Hành
KẾ TOÁN TRƯỞNG			
01	Lâm Quang Phúc	Kế toán trưởng	
BAN KIỂM SOÁT			
01	Nguyễn Văn Sang	Trưởng Ban	
02	Hoàng Quốc Hưng	Thành Viên	
03	Hoàng Văn Vinh	Thành Viên	



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà Lê Thị Bích Lợi
Chủ tịch HĐQT
(Miễn nhiệm ngày 02/12/2024)



Ông Trương Văn Cư
Chủ tịch HĐQT
(Bổ nhiệm ngày 02/12/2024)



Ông Lâm Thanh Phú
Tv. HĐQT kiêm TGD
(Bổ nhiệm chức vụ TGD ngày
30/12/2024)



Ông Dương Tấn Phong
Tv. HĐQT kiêm Phó TGD



Ông Đỗ Quốc Tuấn
Tv. HĐQT

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà LÊ THỊ BÍCH LỢI
Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 02/12/2024)

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư nông học

Năm sinh : 13/7/1968

CCCD : 038168028076

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Ấp Đông Lợi xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Quá trình công tác:

Từ 06/1991-12/1996: Nhân viên phòng Nông nghiệp - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 12/1996-09/2001: Phó giám đốc Nông trường cao su Bồ Túc - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 09/2001-12/2009: Giám đốc Nông trường Cao su Bồ Túc - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 01/2010-08/2014: Thành viên HĐQT – Giám đốc Nông trường Cao su Bồ Túc – Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 08/2014-05/2016: Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 05/2016-06/2019: Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc CTCP Cao su Tân Biên

Từ 06/2019-02/12/2024: Chủ tịch HĐQT CTCP Cao su Tân Biên

Từ 03/12-22/12/2024: Thành viên HĐQT CTCP Cao su Tân Biên

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 2.900 CP
- Tỷ lệ: 0,00033%

Họ tên người liên quan nắm giữ cổ phiếu RTB: Không có



Ông TRƯƠNG VĂN CƯ

Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm chức vụ chủ tịch HĐQT ngày 02/12/2024)

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư nông học, cử nhân báo chí

Năm sinh : 30/06/1968

CCCD : 072068000008

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Ấp Bình Trung, xã Bình Minh, TP Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Quá trình công tác :

Từ 06/1991-08/1997: Nhân viên phòng Kỹ thuật Nông nghiệp – Công ty Cao su Tân Biên

Từ 08/1997-01/2004: Phó phòng Kỹ thuật nông nghiệp – Công ty Cao su Tân Biên

Từ 02/2004-12/2004: Giám đốc Nông trường Tân Hiệp – Công ty Cao su Tân Biên

Từ 12/2004-06/2010: Giám đốc Nhà máy chế biến – Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 06/2010-08/2014: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Nhà máy chế biến – Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 08/2014 – 08/2015: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 08/2015 – 04/2016: Thành viên HĐQT, Quyền Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 05/201 – 11/2024: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Từ 12/2024 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Cao su Tân Biên

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 46.955 CP - Tỷ lệ: 0,053%

- Đại diện vốn nhà nước: 60.207.053CP - Tỷ lệ: 69,5%

Họ tên người liên quan nắm giữ cổ phiếu RTB: - Trương Văn Dề – Em ruột - Số CP nắm giữ: 10.200 CP - Tỷ lệ: 0,012%.

- Trương Thị Kim Trang – Em ruột - Số CP nắm giữ: 2.500 CP - Tỷ lệ: 0,00284%.



Ông Lâm Thanh Phú
TV.HĐQT kiêm TGD (Bổ nhiệm chức vụ TGD ngày 30/12/2024)

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Năm sinh : 29/08/1971

CCCD : 072071001683

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Ấp Thanh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Quá trình công tác:

Từ 08/1995-11/1999: Nhân viên phòng Kinh doanh - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 11/1999-08/2004: Phó phòng Tài Chính Kế Toán - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 09/2004-04/2016: Kế Toán Trưởng, Trưởng phòng Tài Chính Kế Toán - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 05/2016-08/2019: Kế Toán Trưởng, Trưởng phòng Tài Chính Kế Toán - Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Từ 08/2019-11/2024: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Từ 12/2024 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 5.200 CP
- Tỷ lệ: 0,00059%
Đại diện vốn nhà nước: 13.191.750 CP
- Tỷ lệ: 15%

Họ tên người liên quan nắm giữ cổ phiếu RTB:

- Lâm Thanh Hùng– Em ruột - Số CP nắm giữ: 1.100 CP - Tỷ lệ: 0,0013%.

- Lâm Thanh Tùng– Em ruột - Số CP nắm giữ: 690 CP - Tỷ lệ: 0,0008%.

- Trần Nguyễn Thanh Trúc– Em Dâu - Số CP nắm giữ: 900 CP - Tỷ lệ: 0,0010%.



Ông DƯƠNG TẤN PHONG
TV.HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Nông học.

Năm sinh : 18/4/1968

CCCD : 072068002912

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Số 118, Huỳnh Tấn Phát, KP Hiệp Lễ,
Phường Hiệp Ninh, Thành phố Tây Ninh,
tỉnh Tây Ninh

Quá trình công tác:

Từ 06/1991-12/1991: Nhân viên P. KTNN, Công ty Cao su Tân Biên

Từ 12/1991-05/1992: Trợ lý kỹ thuật Nông trường Suối Ngô, Công ty Cao su Tân Biên

Từ 5/1992-6/1996: Nhân viên P. KTNN, Công ty Cao su Tân Biên

Từ 06/1996-12/2004: Phó giám đốc kỹ thuật Nông trường Xa Mát, Công ty Cao su Tân Biên

Từ 01/2005-3/2009: Trưởng phòng KTNN, Công ty Cao su Tân Biên.

Từ 03/2009-07/2011: Giám đốc – Bí thư chi bộ Nông trường Xa Mát, Công ty Cao su Tân Biên

Từ 08/2011 – 06/2018: Giám đốc – Bí thư chi bộ Nông trường Tân Hiệp, Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên (Nay là Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên)

Từ 06/2018 – 08/2019: TV.HĐQT kiêm Giám đốc – Bí thư chi bộ Nông trường Tân Hiệp, Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Từ 08/2019 – đến nay: Thành viên HĐQT; Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 4.200 CP
- Tỷ lệ: 0,0048%
Đại diện vốn nhà nước: 13.191.750 CP
- Tỷ lệ: 15 %.

Họ tên người liên quan nắm giữ cổ phiếu RTB: Không có



Ông Đỗ Quốc Tuấn
TV.HĐQT

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Nông học

Năm sinh : 12/12/1977

CMND : 290564193

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Ấp Năm Trại, Xã Trường Đông,
huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh

Quá trình công tác:

Từ 08/2009-01/2010: Phó phòng KTNN - Công ty TNHH phát triển cao su Tân Biên – Kampong Thom

Từ 08/2010-02/2015: Giám đốc nông trường - Công ty TNHH phát triển cao su Tân Biên – Kampong Thom

Từ 03/2015-04/2018: Phó Giám đốc - Công ty TNHH cao su MeKong

Từ 05/2018-05/2021: Giám đốc Công ty TNHH cao su MeKong

Từ 06/2021-đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên, Giám đốc Công ty TNHH cao su MeKong

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 0 CP
- Tỷ lệ: 0%
Đại diện vốn nhà nước: 0 CP
- Tỷ lệ: 0%

Họ tên người liên quan nắm giữ cổ phiếu RTB: Không có

GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông TRƯƠNG VĂN CÚ (SYLL tương tự phần HĐQT)
(Miễn nhiệm chức vụ TGD ngày 02/12/2024)



Ông LÂM THANH PHÚ (SYLL tương tự phần HĐQT)
(Bổ nhiệm chức vụ TGD ngày 30/12/2024)



Ông DƯƠNG TẤN PHONG (SYLL tương tự phần HĐQT)



Ông TRẦN VĂN TOÀN

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Năm sinh : 26/02/1966

CCCD : 044066011630

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Quá trình công tác :

Từ 06/1991-12/1998: Nhân viên Phòng KHĐT và phòng Kinh doanh Công ty Cao su Tân Biên

Từ 12/1998-12/1999: Trưởng ban kiểm soát nội bộ - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 01/2000-03/2005: Nhân viên Phòng Kinh doanh và Phòng Kế hoạch Đầu tư – Công ty Cao su Tân Biên

Từ 03/2005-06/2005: Phó phòng Kế hoạch Đầu tư – Công ty Cao su Tân Biên

Từ 07/2005-09/2007: Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 09/2007-06/2009: Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cao su Tân Biên-Kampongthom kiêm Giám đốc Công ty TNHH phát triển cao su Tân Biên – Kampongthom

Từ 09/2007-06/2009: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampongthom kiêm Giám đốc Công ty TNHH phát triển cao su Tân Biên – Kampongthom

Từ 06/2009-12/2010: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampongthom kiêm Giám đốc Công ty TNHH phát triển cao su Tân Biên – Kampongthom.

Từ 01/2011-08/2014: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampongthom kiêm Giám đốc Công ty TNHH cao su Mekong

Từ 08/2014-04/2016: Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Tân Biên; Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampongthom; Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH cao su Mekong Việt Nam kiêm Giám đốc Công ty TNHH Cao su Mekong Campuchia

Từ 05/2016-đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tân Biên; Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampongthom.

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 0 CP - Tỷ lệ: 0%

Đại diện vốn nhà nước: 0 CP - Tỷ lệ:0%

Họ tên người liên quan có nắm giữ cổ phiếu RTB:

- Hồ Thị Bích Loan - Vợ - Số CP nắm giữ: 2.400 CP - Tỷ lệ: 0,0027%.

- Trần Thị Thương – Em ruột - Số CP nắm giữ: 1.900 CP - Tỷ lệ: 0,0022%.

- Trần Thị Ngọc Bé – Em ruột - Số CP nắm giữ: 1.100 CP - Tỷ lệ: 0,0012%

- Nguyễn Tri Ân – Em rể - Số CP nắm giữ: 1.000 CP - Tỷ lệ: 0,0011%

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Ông Nguyễn Văn Sang
Trưởng Ban kiểm soát



Ông Hoàng Quốc Hưng
TV. Ban kiểm soát



Ông Hoàng Văn Vinh
TV. Ban kiểm soát



1. Ông: NGUYỄN VĂN SANG

Trưởng Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Năm sinh : 12/2/1977

CCCD : 080077000510

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Ấp Hội Phú, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Quá trình công tác :

Từ 11/1997-06/1999: Nhân viên Kế toán – Nhà máy chế biến – Công ty cao su Tân Biên

Từ 06/1999-03/2009: Nhân viên Kế toán – Phòng Tài chính kế toán – Công ty cao su Tân Biên

Từ 04/2009-05/2010: Kế toán tổng hợp – Nông trường cao su Suối Ngô- Công ty Cao su Tân Biên

Từ 06/2010-07/2010: Nhân viên kế toán – phòng Tài chính Kế toán – Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 08/2010-10/2011: Phó phòng Tài chính Kế toán – Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 11/2011-04/2016: Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 05/2016 đến nay: Trưởng ban kiểm soát CTCP Cao su Tân Biên

Hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát CTCP Cao su Tân Biên

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu: 0 CP - Tỷ lệ: 0 %

Đại diện vốn nhà nước: 0 CP - Tỷ lệ: 0%

Họ tên người liên quan có nắm giữ cổ phiếu RTB: Không có



2. Ông HOÀNG QUỐC HÙNG

Thành viên Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Năm sinh : 14/6/1990

CMND : 285290939

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 288 Thôn Phú Thịnh, xã Phú Riềng,
huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước

Quá trình công tác :

Từ 07/2012-08/2013: Trợ lý kiểm toán – Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC (CN HCM)

Từ 09/2013-04/2016: Chuyên viên Ban Tài chính kế toán – Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam

Từ 05/2016 đến nay: Chuyên viên Ban Tài chính kế toán – Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam; Thành viên Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Cao su Tân Biên

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 0 CP - Tỷ lệ: 0%

Đại diện vốn nhà nước: 0 CP - Tỷ lệ: 0%

Họ tên người liên quan có nắm giữ cổ phiếu RTB: Không có



3. Ông: HOÀNG VĂN VINH

Thành viên Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Năm sinh : 10/11/1973

CCCD : 072073003220

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : xã Thạnh Đông - huyện Tân Châu - tỉnh Tây Ninh.

Quá trình công tác :

Từ 12/1995-04/2009: Kế toán Tổng hợp Nông trường Cao su Tân Hiệp – Công ty cao su Tân Biên

Từ 05/2009-04/2017: Tổ trưởng tổ tín dụng, Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty Cao su Tân Biên

Từ 05/2017-05/2020: Nhân viên phòng TTBV-QSĐV - Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Từ 06/2020-đến nay: Nhân viên phòng Thanh Tra Pháp Chế, Thành viên ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 0 CP - Tỷ lệ: 0%

Đại diện vốn nhà nước: 0 CP - Tỷ lệ: 0%

Họ tên người liên quan có nắm giữ cổ phiếu RTB: Không có

Thống kê lao động năm 2024

Chỉ tiêu	SL (người)
Theo tính chất hợp đồng lao động	
HĐ có xác định thời hạn	0
HĐ không xác định thời hạn	865
HĐ theo thời vụ (công nhật)	0
Tổng cộng	

Biến động Lao động trong năm:

Lao động có mặt đầu kỳ:	865 người
Tăng trong kỳ:	160 người
Giảm:	215 người
Lao động có mặt cuối kỳ:	810 người

Tổ chức cán bộ:

- Điều động; Điều động và bổ nhiệm; Thôi giữ nhiệm vụ và điều động; Giao nhiệm vụ, phân công nhiệm vụ: 73 người; Bổ nhiệm: 04 người; Bổ nhiệm lại: 02 người.
- Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ: 327 người.
- Nâng lương định kỳ: 244 người.

Giải quyết chế độ chính sách:

Nghỉ việc được hưởng trợ cấp 1 lần: 58 trường hợp, tổng kinh phí Công ty chi trả: 1.024.000.000 đồng, bình quân 17,6 tr/người.

Chính sách lao động:

- Công ty đã và đang tiếp tục áp dụng hình thức giao khoán cho công nhân, từ đó làm cơ sở để tính tiền lương, thu nhập cho người lao động.
- Công tác quản lý tiền lương đã được thực hiện một cách chặt chẽ, kịp thời, đúng chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước và Tập đoàn.
- Giải quyết tiền lương hàng tháng đúng định kỳ.
- Quỹ lương thực hiện: 67.087.000.000 đồng.
- Thu nhập bình quân: 7,65 triệu đồng/người/tháng.
- Chi bồi dưỡng độc hại cho người lao động: 3.188.516.868 đồng.
- Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân: 734.888.372 đồng.
- Ăn giữa ca 20.000 đồng/người/ngày: 3.698.808.070 đồng.

Chính sách chăm lo sức khỏe cho người lao động

- Do giữa năm 2024 Công ty chuyển đổi loại hình tổ chức của Trung tâm Y tế thành Y tế Cơ quan nên chỉ sơ cứu ban đầu, không thực hiện khám chữa bệnh.
- Khám sức khỏe 01 đợt/năm tập trung cho toàn thể CB-CNV: **710/796 CBCNV** đạt tỉ lệ 89,2% tổng số CBCNV.

Bảo hiểm y tế:

- 100% CBCNV công ty có thẻ BHYT bắt buộc do BHXH Tây Ninh phát hành.
- Công tác BHYT được thanh quyết toán kịp thời.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (căn cứ trên Báo cáo tài chính riêng)

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Năm 2024	Ghi chú
Tổng tài sản	1.492	
Doanh thu thuần	623	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	278	
Lợi nhuận kế toán sau thuế	237	

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu căn cứ trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2024	Ghi chú
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng Tài sản	%	73,11	
	- Tài sản ngắn hạn /Tổng tài sản	%	26,89	
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ/Tổng tài sản	%	12,19	
	- Nợ/Vốn CSH	%	13,89	
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	lần	2,50	
	- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	3,30	
4	Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)			
	- TS LNST/Tổng tài sản	%	12,08	
	- TS LNST/Doanh thu	%	25,61	
	- TS LNST/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	13,76	
5	Vòng quay hoạt động			
	- Vòng quay HTK	Vòng	3,78	
	- Vòng quay Tài sản	Vòng	0,45	

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Dự án đầu tư vào Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên – Kampong Thom

Tình hình hoạt động 02 dự án trồng cao su tại Vương quốc Campuchia. Tổng diện tích vườn cây cao su tại 02 dự án là 12.957,91 ha. Tình hình hoạt động 02 dự án trong năm 2024 như sau:

*** Dự án 1:** Công ty TNHH Phát triển Cao su Tân Biên – Kampong Thom:

- Tổng diện tích vườn cây: 7.243,91 ha. Trong đó: Diện tích cao su khai thác: 7.243,91 ha.
- Sản lượng cao su khai thác là 15.034 tấn, đạt 100,2% so với kế hoạch 15.000 tấn, năng suất bình quân: 2,075 tấn/ha.

- Sản lượng cao su chế biến được 14.068,8 tấn, đạt 93,8% so với kế hoạch là 15.000 tấn.

Trong đó:

+ *Chế biến mủ cao su khai thác:* 14.068,8 tấn, đạt 93,8% so với kế hoạch là 15.000 tấn.

+ *Gia công chế biến:* không có

- Tiêu thụ sản phẩm cao su: 13.508,33 tấn, đạt 90,05% so với kế hoạch 15.000 tấn.

- Tổng doanh thu: 573,4 tỷ đồng, đạt 111,67% so với kế hoạch 513,500 tỷ đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: 203,61 tỷ đồng. Trong đó:

+ *Lợi nhuận hoạt động SXKD cao su:* 203,61 tỷ đồng.

+ *Lợi nhuận từ gia công:* 0 tỷ đồng.

+ *Lợi nhuận hoạt động tài chính:* -8,05 tỷ đồng.

+ *Lợi nhuận khác:* 0,016 tỷ đồng.

*** Dự án 2:** Công ty TNHH Cao su Mê Kông

- Tổng diện tích vườn cây: 5.714 ha. Trong đó: Diện tích cao su khai thác: 5.714 ha.

- Sản lượng cao su khai thác: 9.235,37 tấn, đạt 102,62% so với kế hoạch 9.000 tấn.

- Tiêu thụ sản phẩm cao su: 8.905,95 tấn, đạt 98,96 % so với kế hoạch 9.000 tấn.

- Tổng doanh thu: 396,188 tỷ đồng, đạt 128,69% so với kế hoạch 307,870 tỷ đồng

- Lợi nhuận trước thuế: 128,31 tỷ đồng, đạt 265,85% so với kế hoạch 48,26 tỷ đồng. Trong đó:

+ *Lợi nhuận hoạt động SXKD cao su:* 130,96 tỷ đồng.

+ *Lợi nhuận hoạt động tài chính:* 2,66 tỷ đồng.

+ *Lợi nhuận hoạt động khác:* 0,16 tỷ đồng.

*** Kết quả hợp nhất kinh doanh 02 dự án:**

- Tổng doanh thu: 969,588 tỷ đồng, đạt 118,04 % so với kế hoạch 821,37 tỷ đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: 331,92 tỷ đồng đạt 203,02% so với kế hoạch 163,49 tỷ đồng. Trong đó:

+ *Lợi nhuận hoạt động SXKD cao su:* 334,57 tỷ đồng.

+ *Lợi nhuận từ gia công:* 0 tỷ đồng.

+ *Lợi nhuận hoạt động tài chính:* -5,39 tỷ đồng.

+ *Lợi nhuận khác:* -0,176 tỷ đồng.

*** Đánh giá chung hoạt động 02 dự án:**

Nhìn chung, trong năm 2024 bên cạnh những mặt thuận lợi, tình hình hoạt động SXKD tại 02 dự án trồng cao su đầu tư tại Vương quốc Campuchia gặp khó khăn chủ yếu là lực lượng lao động thường xuyên biến động, thiếu hụt lao động nhất là lao động trực tiếp.

Trước tình hình khó khăn trên đã triển khai các giải pháp như: (i) Công ty đã chủ động thực hiện tốt các chế độ chính sách cho người lao động, tiền lương của người lao động được quan tâm

thực hiện theo đúng quy định, làm tốt chính sách an sinh xã hội góp phần động viên khuyến khích toàn thể CBCNV người lao động hăng say, ra sức thi đua tích cực trong hoạt động sản xuất; (ii) Công ty đã triển khai vận động công nhân cao choàng các phần cây không có người đứng và cao bù những ngày nghỉ lễ, nghỉ do mưa để góp phần tăng sản lượng thu hoạch.

Bên cạnh đó để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, Công ty đã chủ động xây dựng kế hoạch, sắp xếp công việc hợp lý theo từng hạng mục, thời gian cụ thể nhằm đáp ứng các nhu cầu về tài chính, lao động, vật tư và đầu tư xây dựng các công trình cần thiết để đáp ứng kịp thời phục vụ sản xuất kinh doanh, thực hiện biện pháp để tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm như đấu thầu mua sắm các loại vật tư thiết bị, rà soát ban hành định mức nhân công, vật tư trong công tác đầu tư và mua sắm phục vụ sản xuất kinh doanh.

Nhờ được sự chỉ đạo kịp thời, sự điều hành linh động của Ban lãnh đạo Công ty cùng với quyết tâm, đồng lòng, đoàn kết của toàn thể CB.CNV người lao động nên các chỉ tiêu về SXKD trong năm 2024 đều đạt và vượt kế hoạch.

Công ty đã thực hiện chia, tạm ứng cổ tức năm 2024 với tỷ lệ 6,5%/cổ phiếu cho các cổ đông với tổng số tiền chi trả 93,21 tỷ đồng và tại dự án 1 trong năm đã trả hết nợ vay ngân hàng.

Với kết quả SXKD đạt được như trên là tiền đề, động lực để đơn vị phấn đấu hơn nữa ở những năm tiếp theo.

2. Dự án Cty CP Chế biến XNK Gỗ Tây Ninh

Tổng Vốn điều lệ 50 tỷ đồng, Công ty CP Cao su Tân Biên tham gia góp vốn 21,6% Vốn điều lệ, tương đương 10,8 tỷ đồng. Công ty đã góp đủ 100%. Thế mạnh của Công ty là sản xuất gỗ phiêu bán xuất khẩu và bán trong nước, sản xuất gỗ ghép tấm chất lượng cao. Hiệu quả sản xuất kinh doanh tốt nên hàng năm Công ty có tích lũy và dư nguồn để trả cổ tức cho các Cổ đông. Tuy nhiên trong năm 2023 và 2024 do tình hình kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều khó khăn thách thức, chi phí chế biến gỗ tăng, giá bán giảm nên trong năm 2024 công ty kinh doanh không có lãi. Hiện công ty đang tái cơ cấu lại mô hình tổ chức ngành nghề nhằm từng bước xóa lỗ và có lợi nhuận.

3. Góp vốn vào Công ty cổ phần Quasa Geruco

- Mục đích đầu tư: Trồng 8.650 ha cao su tại Lào.

- Tổng vốn điều lệ 1.000 tỷ đồng, Công ty CP Cao su Tân Biên đã góp đủ 1,2% Vốn điều lệ, tương đương 12 tỷ đồng. Diện tích trồng: 7.340 ha, địa điểm tại tỉnh Savannakhet, nước CHDC Nhân dân Lào. Bắt đầu trồng từ năm 2007. Hiện nay, Dự án đã đi vào khai thác và đã xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su sơ chế với công suất 7.000 tấn/năm, năm 2024 đã kinh doanh có lãi hơn 62 tỷ đồng.

4. Dự án Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG – Quảng Trị:

- Mục đích đầu tư: Dự án nhà máy sản xuất gỗ MDF, công suất 60.000 m³/năm.

- Tổng vốn điều lệ: 551 tỷ đồng. Đến 31/12/2023 Công ty CP Cao su Tân Biên đã góp 33,672 tỷ đồng, tương đương 6,11% Vốn điều lệ. Dự án đã đầu tư thi công hoàn chỉnh nhà máy và đưa vào hoạt động. Hiệu quả sản xuất kinh doanh tương đối tốt. Trong năm 2024 tình hình kinh tế nói chung và ngành gỗ nói riêng còn nhiều khó khăn thách thức, công ty đã tiết giảm chi phí sản xuất kinh doanh nên trong năm 2024 công ty kinh doanh có lãi trên 3,39 tỷ đồng.

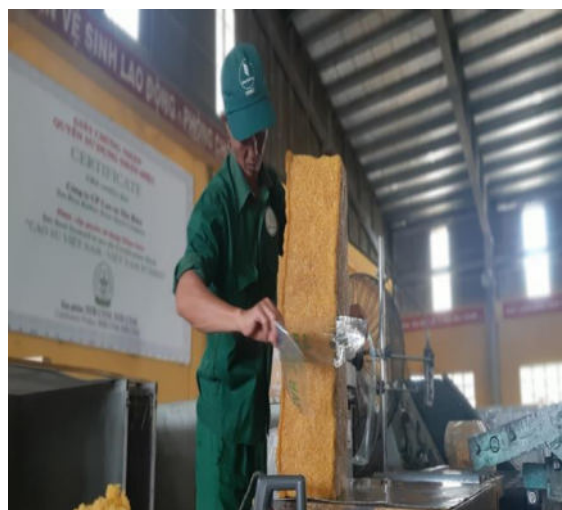
5. Dự án Công ty CP TMDV và Du Lịch Cao Su:

- Tổng vốn điều lệ 369,428 tỷ đồng do Tập đoàn và các đơn vị thành viên góp vốn. Trong đó, Cty CP Cao su Tân Biên đã góp vốn đủ 13 tỷ đồng, dự án này đã hoàn thành và đưa vào hoạt động ngày 25/10/2010. Công ty đã thoái vốn tại Công ty CP TMDV và Du lịch Cao su số tiền: 1.742.730.000 đồng tương đương 174.273 cổ phiếu. Như vậy đến 31/12/2024 số vốn góp của Công ty CP Cao su Tân Biên tại Dự án này chỉ còn 11.257.270.000 đồng, tương đương 1.125.727 cổ phiếu. Do đặc thù ngành nghề kinh doanh khách sạn nên dự án này không đạt hiệu quả trong ngắn hạn, trong năm 2024 Công ty kinh doanh có lợi nhuận hơn 1,1 tỷ đồng, chủ yếu từ kinh doanh mũ cao su.

6. Dự án Cty CP PT Đô thị & KCN Cao su VN:

- Mục đích đầu tư: Xây dựng Khu công nghiệp tại Hải Dương.
- Thời gian khởi công: tháng 01 năm 2008.
- Tổng vốn điều lệ 258,94 tỷ đồng, Công ty CP Cao su Tân Biên đã góp vốn 7,56% tương đương 19,580 tỷ đồng.
- Năm 2020 và năm 2021 Công ty CP Cao su Tân Biên đã thoái vốn với tổng số tiền là 14,916 tỷ đồng. Tính đến 31/12/2024 số vốn góp của Công ty CP Cao su Tân Biên tại Dự án này là 4,664 tỷ đồng, tương đương 466.400 cổ phiếu. Năm 2024, Công ty kinh doanh có lợi nhuận hơn 58 tỷ đồng.

Khoản mục (Đvt: đồng)	Đầu tư Năm 2023	Luỹ kế đến 31/12/2024		
		Giá trị theo sổ sách	Mệnh giá gốc (10.000đ/cp)	Chênh lệch
Đầu tư vào công ty con (TK 221)	0	795.041.141.348	845.631.760.000	(50.590.618.652)
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Kampong Thom		795.041.141.348	845.631.760.000	(50.590.618.652)
Đầu tư vào công ty liên kết (TK 223)	0	16.091.369.631	10.800.000.000	5.291.369.631
Công ty CP CB&XNK Gỗ Tây Ninh		16.091.369.631	10.800.000.000	5.291.369.631
Đầu tư dài hạn khác (TK 228)	0	41.306.446.741	61.592.820.000	(20.286.373.259)
Công ty CP Gỗ MDF Quảng Trị		26.263.809.000	33.671.550.000	(7.407.741.000)
Công ty CP TMDV&DL Cao su		2.050.267.464	11.257.270.000	(9.207.002.536)
Công ty CP Quasa Geruco		11.593.170.277	12.000.000.000	(406.829.723)
Công ty CP PT ĐT & KCN Cao su VN		1.399.200.000	4.664.000.000	(3.264.800.000)
TỔNG CỘNG	0	852.438.957.720	918.024.580.000	(65.585.622.280)



THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG RTB

Vốn điều lệ: 879.450.000.000 đồng

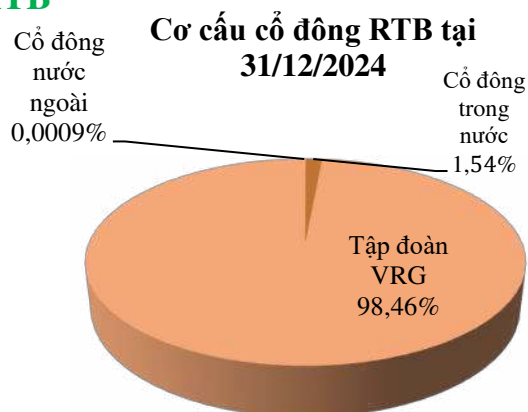
Mã chứng khoán: RTB

Tổng số CP: 87.945.000 CP

Số lượng CP đang lưu hành: 87.945.000 CP

Số lượng CP quỹ: 0 CP

Giá trị sổ sách tại 31/12/2024: 10.000 đồng



Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ/Vốn cổ phần
Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	86.590.553	98,46%
Cổ đông trong nước	1.353.647	1,54%
-Tổ chức	120.000	0,14%
-Cá nhân	1.233.647	1,40%
Cổ đông nước ngoài	800	0,0009%
-Tổ chức	800	0,0009%
-Cá nhân		0,0000%
Cổ phiếu quỹ	0	0,00%
Tổng cộng	87.945.000	100,00%

Biểu đồ giá cổ phiếu RTB trong 1 năm qua



Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn điều lệ trở lên chốt ngày 31/12/2024

Tên cổ đông	Địa chỉ	Giấy Đăng ký sở hữu	Số cổ phần	Tỷ lệ %
Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, TP.HCM	4106000341	86.590.553	98,46%

Tỷ lệ sở hữu của Ban điều hành (HDQT, Ban TGD, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, bao gồm đại diện cổ phần Nhà nước, vốn tổ chức khác) tại ngày 31/12/2024

Tên cổ đông	Chức vụ	CMND/CCCD	Số cổ phần	Tỷ lệ %
Lê Thị Bích Lợi	Chủ tịch HDQT (Miễn nhiệm ngày 02/12/2024)	038168028076	2.900	0,0033%
Trương Văn Cư	Chủ tịch HDQT (Bổ nhiệm chức vụ Chủ tịch HDQT ngày 02/12/2024)	072068000008	60.254.008	68,51%
Lâm Thanh Phú	Tv.HDQT kiêm Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm chức vụ TGD ngày 30/12/2024)	072071001683	13.196.950	15,01%
Dương Tấn Phong	Tv.HDQT kiêm Phó TGD	072068002912	13.195.950	15,00%
Đỗ Quốc Tuấn	Tv.HDQT độc lập	072077011910	0	0,00%
Trần Văn Toàn	Phó TGD	044066011630	0	0,000%
Nguyễn Văn Sang	Trưởng ban kiểm soát	080077000510	0	0,0000%
Hoàng Văn Vinh	Tv. Ban kiểm soát	072073003220	0	0,000%
Hoàng Quốc Hưng	Tv. Ban kiểm soát	285290939	0	0,000%
Lâm Quang Phúc	Kế toán trưởng	095074009254	0	0,000%
Tổng cộng			86.649.808	98,53%

Trong năm công ty không có hoạt động làm thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

- **Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**
 - a. **Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:**
 - Tổng lượng nguyên liệu chế biến trong năm 2024 là 3.451 tấn, trong đó chế biến mù Công ty khai thác 2.611 tấn, mù thu mua 840 tấn.
 - Chất lượng chế biến ổn định, đảm bảo uy tín thương hiệu trên thị trường.
 - b. **Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:**
 - Trong quá trình sản xuất không phát sinh phế phẩm nên không tái chế.
- **Tiêu thụ năng lượng:**
 - a. **Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:**
 - Sản lượng điện tiêu thụ để sản xuất mù cao su trong năm 2024 là: 1.296.168.KWH
 - b. **Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:**
 - Tổng sản lượng điện tiết kiệm được trong năm: 137.928 KWH.
- **Tiêu thụ nước: mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm:**
 - a. **Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:**
 - Nguồn cung cấp nước: mạch nước ngầm dưới lòng đất.
 - b. **Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:**
 - Công ty không tái sử dụng nước, chỉ sử dụng khoảng 10% cho việc tưới tiêu quanh nhà máy chế biến.
- **Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**
 - + Hệ thống quan trắc nước thải tự động: Đã truyền dữ liệu về Sở TNMT Tây Ninh và đang hoạt động tốt.
 - + Hệ thống quan trắc tự động khai thác 02 giếng nước ngầm: Đã truyền dữ liệu về Sở TNMT Tây Ninh và đang hoạt động tốt.
 - + Quản lý khí thải và nước thải: Hệ thống nước thải tập trung đảm bảo xử lý đạt 100% theo tiêu chuẩn QCVN đúng quy định của pháp luật trước khi thải ra môi trường. Áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015, cam kết thực hiện tốt chính sách chất lượng và môi trường với phương châm “Phục vụ tốt cho cộng đồng và tạo dựng môi trường xanh trong sản xuất”. Định kỳ gửi báo cáo giám sát cho cơ quan quản lý Nhà nước đúng quy định.
 - + Quản lý chất thải nguy hại và chất thải thông thường: lập hồ sơ và đã ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý triệt để 100% đạt tiêu chuẩn theo quy định của Pháp luật.

Theo dõi công tác vệ sinh và bảo vệ môi trường khu vực xí nghiệp cơ khí chế biến, duy trì thực hiện ISO 14001:2015.

- **Chính sách liên quan đến người lao động:**

- Lao động bình quân năm 2024 là 837 người.
- Số lượng lao động tính đến 31/12/2024 là 810 người.
- Thu nhập bình quân: 7,65 triệu đồng/người/tháng.
- Ngoài ra, Công ty còn chi các khoản như: chi phí Bảo hộ lao động, Bồi dưỡng độc hại, các loại bảo hiểm bắt buộc (BHXH, BHYT, BHTN).
- Hoạt động đào tạo người lao động: Trong năm Công ty đã đưa đi đào tạo, tập huấn các lớp về chuyên môn nghiệp vụ và các chính sách thuế, lao động, tiền lương, BHXH,..., văn thư lưu trữ, quản trị văn phòng, chế biến mũ cao su,... Tổng kinh phí đào tạo năm 2024 là 326 triệu đồng.

• Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CP CAO SU TÂN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUỸ VÌ NGƯỜI NGHÈO, CHƯƠNG
TRÌNH AN SINH XÃ HỘI NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025

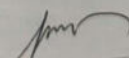
STT	Tên đơn vị	Tên tỉnh thành phố được hỗ trợ	Kết quả thực hiện năm 2024			Đăng ký ủng hộ năm 2025 (1.000đ)
			Số tiền (1.000đ)	Số nhà xây dựng mới (căn)	Số nhà sửa chữa (căn)	
1	Đóng góp quỹ vì người nghèo	Tây Ninh	130.000			100.000
2	Hỗ trợ trẻ em, đồng bào dân tộc nghèo, trung tâm bảo trợ, học bổng, quỹ khuyến học tại các địa phương	Tây Ninh, TP HCM	271.440			150.000
3	Hội nạn nhân chất độc màu da cam					
4	Hỗ trợ quỹ và xây nhà đền ơn đáp nghĩa	Tây Ninh	80.000			80.000
5	Xây dựng nhà tình thương, Đại đoàn kết, nhà rộng	Tây Ninh, Hà Tĩnh	85.000			80.000
6	Xây dựng, tu sửa trường học					
7	Xây dựng, tu sửa nâng cấp khu mộ liệt sĩ, nhà tưởng niệm, bảo tàng, truyền thống, văn hóa	Bình Phước	15.000			
8	Ứng hộ đồng bào lũ lụt, đồng bào thiên tai	Tây Ninh, TP HCM	250.000			200.000
9	Ứng hộ chiến sĩ đồn Biên phòng, công an biên giới	Tây Ninh	10.000			
10	Hỗ trợ làm đường, xây cầu, cầu treo, cầu khỉ					
11	Hỗ trợ UBND, CCB, MTTQ, TNXP, Hội LH phụ nữ, làng thôn	Tây Ninh, TP HCM	130.000			100.000
12	Hỗ trợ chiến sĩ, người dân trên Đảo Trường Sa					
13	Huyện nghèo theo Nghị quyết 30a của Chính Phủ					
14	Đóng góp các quỹ, chương trình phòng chống dịch Covid-19					
15	Hỗ trợ các chương trình cho hoạt động an sinh xã hội khác	Tây Ninh, TP HCM	77.777			40.000
Tổng cộng			1.049.217			750.000

LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Kim Quyên

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lâm Quang Phúc

Ngày tháng năm 2024



Trần Văn Toàn

- **Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:**

- Trong năm 2024, Công ty được tổ chức GFA đánh giá duy trì chứng chỉ rừng VFCS/PEFC, với tổng diện tích cao su là 4.426,11 ha (*trong đó: NTCS Bồ Túc 2.426,99 ha và NTCS Suối Ngô 1.999,12 ha*) và được tổ chức SGS đánh giá duy trì chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm PEFC-CoC và DDS. Ngoài ra, Công ty triển khai rà soát, đánh giá lần đầu thực hiện chứng chỉ rừng VFCS/PEFC tại 02 Nông trường cao su Tân Hiệp và Nông trường cao su Xa Mát với diện tích 1.976,61 ha, nhằm hướng tới mục tiêu thực hiện Phương án Quản lý rừng bền vững cho toàn bộ diện tích cao su mà Công ty đang quản lý.

- Bên cạnh đó, thực hiện đáp ứng yêu cầu Quy định sản xuất hàng hóa không gây mất rừng của Liên minh Châu Âu (EUDR) thì Công ty đã hoàn thành lập các hồ sơ, bổ sung bản đồ số, cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu khả năng truy xuất nguồn gốc đến vườn cây và cung cấp các tài liệu thực hiện hệ thống trách nhiệm giải trình của PEFC đối với quy định sản xuất hàng hóa không gây mất rừng (PEFC EUDR DDS) đảm bảo việc truy xuất truy xuất nguồn gốc tất cả các sản phẩm mủ của Công ty.



III. BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- ❖ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
 - ❖ Tình hình tài chính
 - ❖ Những cải tiến trong năm
 - ❖ Kế hoạch phát triển tương lai
-

DÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Khó khăn – Thuận lợi

Khó khăn

Tổng diện tích vườn cây khai thác năm 2024 của Công ty: 2.369,62 ha (trong đó: diện tích vườn cây tự khai thác 1.738,97 ha). Hơn 40% diện tích vườn cây khai thác của Công ty đang trong giai đoạn già cỗi, miệng cạo cao (diện tích vườn cây nhóm 3 và tận thu: 966,50 ha, chiếm 40,79%). Diện tích vườn cây nhóm 1: 1.403,12 ha, chiếm 59,21%. Năng suất vườn cây thấp 1,34 tấn/ha.

Tình trạng công nhân tiếp tục nghỉ việc dẫn đến thiếu lao động, nên từ Quý I/2024 đến quý III/2024, Công ty xây dựng phương án nhượng quyền vườn cây khai thác bên ngoài với diện tích 630,65 ha, trong tổng số 630,65 ha xin nhượng quyền năm 2024, tiếp tục thực hiện nhượng quyền vào năm 2025 với diện tích 298,16 ha.

Tình trạng nắng hạn kéo dài từ cuối tháng 12/2023 đến tháng 4/2024, đầu tháng 5/2024 thời tiết mới có mưa rải rác nên Công ty tổ chức cạo xả trễ hơn 1 tháng so với năm 2023 (năm 2023 cạo xả đầu tháng 4); mặt khác vào tháng 09/2024 cơn bão Yagi ảnh hưởng ít nhiều đến tiến độ thực hiện kế hoạch sản lượng và ảnh hưởng đến sinh trưởng, chất lượng vườn cây trồng tái canh năm 2024.

Trong năm 2024, việc thực hiện thanh toán cho hợp đồng dài hạn ký kết với khách hàng tại Nga bằng tiền USD gặp khó khăn do các biện pháp trừng phạt của Mỹ nhằm vào hệ thống tài chính Nga (loại khỏi hệ thống tài chính toàn cầu), việc chuyển tiền ra vào nước này cũng trở nên hạn chế. Bên cạnh đó, biến động khó lường về tình hình chính trị, ảnh hưởng chiến tranh Nga-Ukraine và các nước khu vực Trung Đông ngày càng căng thẳng nên công tác vận chuyển hàng hóa đường biển, thị trường tiêu thụ cao su tiếp tục chịu ảnh hưởng ít nhiều trong thời gian vừa qua.

Từ năm 2023 đến năm 2024, ngành gỗ gặp nhiều khó khăn dẫn đến các đơn vị trúng thầu cưa cắt rất chậm (bình quân cắt 2-3 ha/ngày so với số lượng diện tích cao su cưa cắt là 631,50 ha) nên gây nhiều khó khăn trong việc bàn giao mặt bằng để phục vụ công tác trồng cao su tái canh năm 2024 tại đơn vị.

Thuận lợi

Công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của các cấp Ủy Đảng, UBND, Lãnh đạo Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam và các Ban trực thuộc; sự giúp đỡ tận tình của các cơ quan Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh Tây Ninh; sự phối hợp, hỗ trợ nhiệt tình và có hiệu quả của chính quyền và nhân dân các xã trên địa bàn Công ty trú đóng.

Tại 02 dự án cao su của Công ty tại Vương quốc Campuchia: các dự án đã từng bước đầu tư xây dựng cơ sở vật chất như: Văn phòng làm việc các nông trường, xí nghiệp; khu vực nhà đội khai thác và khu vực công nhân đã được đầu tư cơ bản đồng bộ nên đời sống vật chất, tinh thần, điều kiện làm việc và thu nhập của người lao động được cải thiện. Các chế độ, chính sách của người lao động được thực hiện đầy đủ theo quy định của Nhà nước Campuchia nên người lao động an tâm công tác, gắn bó làm việc lâu dài với Công ty tại các dự án

Một số các chỉ tiêu thực hiện năm 2024 Công ty mẹ

CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2024		
		KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	%
A	B	2	3	4=3/2
A-CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG:				
1-Diện tích khai thác:	ha	2.369,62	2.369,62	100,0%
2-Sản lượng khai thác:	tấn	2.505,00	2.283,20	91,1%
3-Năng suất:	tấn/ha	1,06	0,96	91,1%
4-Sản lượng chế biến:	tấn	3.505	3.441,78	98,2%
Trong đó:-Mủ khai thác	tấn	2.505	2.601,82	103,9%
-Mủ thu mua	tấn	1.000	839,96	84,0%
-Gia công	tấn	0,00	0,00	0,00
5-Sản lượng tiêu thụ:	tấn	11.500	14.735,04	128,1%
Trong đó:-Mủ khai thác	tấn	2.500	2.468,29	98,7%
-Mủ thu mua	tấn	1.000	878,55	87,9%
-Hàng hóa cao su	tấn	8.000	11.388,20	142,4%
+Xuất khẩu:	tấn	3.792	5.003,88	132,0%
-Trực tiếp	tấn	3.792	5.003,88	132,0%
-Uy thác qua Tập đoàn	tấn	0,00	0,00	
-Uy thác qua đơn vị khác	tấn	0,00	0,00	
+Nội tiêu:	tấn	7.708	9.731,16	126,2%
6-Tồn kho cuối năm:	tấn	3.956,28	1.354,43	34,2%
B-CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ:				
1-Giá thành tiêu thụ:	Tr đồng			
Trong đó: -Mủ khai thác	Tr đồng	36.497	42.979	117,8%
-Mủ thu mua	Tr đồng	37.758	46.211	122,4%
-Hàng hóa cao su	Tr đồng	34.977	40.550	115,9%
2-Giá bán tiêu thụ :	Tr đồng			
Trong đó: -Mủ khai thác	Tr đồng	37.820	42.386	112,1%
Mủ thu mua	Tr đồng	37.993	46.444	122,2%
-Hàng hóa cao su	Tr đồng	34.977	40.595	116,1%
3 -Tổng doanh thu:	Tr đồng	647.586	904.106	139,6%
4-Tổng lợi nhuận trước thuế:	Tr đồng	229.001	278.314	121,5%
5-Chỉ tiêu phải nộp Ngân sách	Tr đồng	71.876	80.505	112,0%
6-Tỷ suất lợi nhuận:				
_ Trước thuế/doanh thu	%	35,36	30,78	87,1%
_ Trước thuế /vốn điều lệ	%	26,04	31,65	121,5%
7-Trả cổ tức trên vốn điều lệ	%	10	22	220,0%
8-Tổng đầu tư XDCB	Tr đồng	79.530	53.342	67,1%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Cuối kỳ	Đầu kỳ	%Cuối kỳ/Đầu kỳ
Tổng tài sản	3.038	2.735	111,07
Tài sản ngắn hạn	817	559	146,08
Phải thu ngắn hạn	30	30	103,16
Hàng tồn kho	198	172	114,81
Tài sản dài hạn	2.221	2.176	102,08

Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Cuối kỳ	Đầu kỳ	%Cuối kỳ/Đầu kỳ
Nợ phải trả	370	407	90,92
Nợ ngắn hạn	248	222	111,45
Vay và nợ ngắn hạn	33	44	76,03
Phải trả người lao động	86	60	144,31
Quỹ khen thưởng phúc lợi	15	27	54,69
Nợ dài hạn	123	185	66,31
Vay dài hạn	112	173	64,54

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Công tác chế biến

- Chất lượng chế biến các loại sản phẩm đều được nâng cao.
- Công tác bảo trì sửa chữa thường xuyên nên thiết bị, máy móc hoạt động tốt, không ảnh hưởng đến công tác sản xuất, đảm bảo công suất và chất lượng ổn định.
- Xe vận chuyển nguyên liệu về nhà máy an toàn, hiệu quả đảm bảo thời gian nhanh nhất, chất lượng tốt nhất cho sản xuất.



Công tác tài chính

- Nguồn vốn thường xuyên được cân đối để phục vụ kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh và xây dựng cơ bản (trong đó, thực hiện dự án tái canh trồng mới của Công ty, mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh và chi trả các chế độ cho người lao động);
- Cập nhật các Thông tư, Chỉ thị mới vào công tác nghiệp vụ chuyên môn hàng ngày. Đảm bảo công tác hạch toán tính đúng, tính đủ vào giá thành;
- Đảm bảo việc chi trả lương, thưởng và các chế độ chính sách đến tay người lao động.
- Thực hiện chi nộp Ngân sách Nhà nước đầy đủ, kịp thời;
- Thực hiện thanh quyết toán các công trình xây dựng cơ bản theo quy định;
- Tham mưu cho Lãnh đạo Công ty về tình hình tài chính của đơn vị.
- Hoàn thành công tác báo cáo tài chính, báo cáo định kỳ theo quy định của Pháp luật và của Tập đoàn, góp phần cho công tác công bố thông tin được kịp thời.

Công tác tái canh cao su và chăm sóc vườn cây KTCB

▪ Công tác tái canh:

Công ty đã hoàn thành việc trồng tái canh vào ngày 02/08/2024, với diện tích 532,59 ha đạt 100% kế hoạch điều chỉnh năm 2024.

▪ Chăm sóc vườn cây kiến thiết cơ bản:

- Công ty thực hiện bón phân và chăm sóc tốt vườn cây KTCB với tổng diện tích là 2.639,82 ha.
- Vườn cây được theo dõi, chăm sóc, thường xuyên đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật, công tác bón phân, được thực hiện tốt. Công tác tía chồi được áp dụng theo đúng quy trình kỹ thuật; công tác bảo vệ thực vật, bảo vệ vườn cây, công tác phòng chống cháy trên vườn cây cao su KTCB được kiểm tra thường xuyên.

- Công ty đã áp dụng cơ giới hóa trong công tác chăm sóc vườn cây, như: sử dụng máy cày đập cỏ, máy bón phân, máy cao áp phun phòng trị bệnh trên vườn cây.... Việc áp dụng cơ giới hóa trong công tác chăm sóc vườn cây đã góp phần tiết giảm chi phí suất đầu tư, nâng cao hiệu quả trong công tác chăm sóc vườn cây KTCB.

- Phối hợp cùng Viện nghiên cứu Cao su Việt Nam khảo sát, tư vấn công tác bảo vệ thực vật trên vườn cây cao su, các bệnh hại chủ yếu trên vườn cây cao su hiện nay như bệnh nấm hồng, bệnh Rụng lá đốm tròn. Các bệnh này có xuất hiện trên vườn cây cao su, tuy nhiên đều ở mức độ nhẹ.

▪ **Quản lý suất đầu tư :**

Thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn về tiết giảm suất đầu tư, năm 2024 Công ty xây dựng suất đầu tư bình quân 59.194.249 đồng/ha. Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp kỹ thuật về quản lý suất đầu tư tương ứng với từng năm trồng và phương thức chăm sóc phù hợp, đúng quy trình quy định.

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản và đầu tư ngoài:

• **Thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản**

* **Về xây lắp:**

Trong năm 2024, Công ty chỉ triển khai thực hiện đầu tư các công trình cần thiết đáp ứng phục vụ sinh hoạt cho người lao động, nhu cầu sản xuất tại đơn vị và đáp ứng các quy định của pháp luật về môi trường, phòng cháy chữa cháy. Các công trình đã thực hiện gồm: Công trình Cải tạo hệ thống xử lý nước thải (công suất 950 m³/ngày, đêm; tiêu chuẩn cột A – QCVN 01-MT:2015/BTNMT), Hệ thống phòng cháy chữa cháy kho mủ (kho số 2) và xưởng chế biến mủ kem, Công trình cải tạo, nâng cấp, sửa chữa đường lô tại các Nông trường (thuộc dự án tái canh giai đoạn 2016-2020 và giai đoạn 2021-2025); Nhà ăn tập thể công nhân tại Đội 3 Sản xuất - NTCS Bồ Túc; Cải tạo sửa chữa Nhà văn hóa Công ty.

* **Về mua sắm thiết bị:**

- Trong năm 2024, đầu tư mua sắm 04 xe ô tô phục vụ công tác quản lý.
- Thực hiện giá trị đầu tư XDCB năm 2024 (bao gồm trả lãi vay) đạt 53.342 tỷ/ 79,53 tỷ đồng đạt 84,26% kế hoạch.

• **Công tác đầu tư tài chính**

Đến thời điểm 31/12/2024, Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên đã tham gia góp vốn 06 Dự án, trong đó có 02 dự án đầu tư ra nước ngoài. Cụ thể:

➤ **Góp vốn vào Công ty cổ phần cao su Quasa Geruco**

Tổng vốn điều lệ 823,79 tỷ đồng, Công ty CP Cao su Tân Biên đã góp đủ 12 tỷ đồng. Diện tích trồng: 7.340 ha, địa điểm tại tỉnh Savannakhet, nước CHDC Nhân dân Lào. Bắt đầu trồng từ năm 2007. Hiện nay, Dự án đã đi vào khai thác và đã xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su sơ chế với công suất 7.000 tấn/năm. Năm 2024 Công ty đã kinh doanh có lãi hơn 62 tỷ đồng.

➤ **Góp vốn vào Công ty cổ phần cao su Tân Biên – Kampong Thom**

Tổng vốn điều lệ đến 31/12/2023: 1.434 tỷ đồng, trong đó vốn góp từ Công ty là 845,632 tỷ đồng (tương đương 58,97%), số vốn còn lại do Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam 41% và các cổ đông là cá nhân, tương đương 0,03%. Dự án đi vào khai thác và có hiệu quả trong năm đã chia cổ tức với tổng số tiền là 93,21 tỷ. Năm 2024 dự án lãi 285,575 tỷ đồng.

- **Công tác pháp chế, thanh tra, bảo vệ, quân sự**

- Tình hình an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy- Ban Tổng Giám đốc Công ty, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Tây Ninh, sự hỗ trợ hướng dẫn nghiệp vụ của Ban chỉ huy quân sự 02 huyện Tân Châu và Tân Biên trong công tác quốc phòng, quân sự. CBCNV- NLĐ, lực lượng tự vệ của công ty chấp hành nghiêm các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tích cực tham gia xây dựng pháp triển kinh tế văn hóa xã hội và quốc phòng an ninh, góp phần xây dựng khu vực phòng thủ huyện ngày càng vững chắc.

- Công ty luôn quán triệt và triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của nhà nước, chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ quốc phòng về công tác Quân sự - Quốc phòng, thực hiện nghiêm các văn bản chỉ đạo của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, huyện về nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu; Tổ chức duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm an toàn các cao điểm, Lễ, Tết, tổ chức quản lý công cụ hỗ trợ và trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật của tự vệ đúng theo Thông tư 76/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ quốc phòng và các văn bản của cấp trên, Thông tư số 77/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ quốc phòng; xây dựng quy chế, kế hoạch hoạt động phối hợp của lực lượng tự vệ theo Nghị định 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ.

- Trong năm 2024, Công ty phối hợp với Công an huyện Tân Châu, Công an huyện Tân Biên tổ chức tuyên truyền một số chuyên đề như: Phổ biến kiến thức pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Luật giao thông đường bộ và tình hình an toàn giao thông, ANTT tại địa phương; Tuyên truyền công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm (tội phạm trộm cắp tài sản, trộm cắp mũ cao su), được 06 lớp, với 705/757 lượt người tham dự, đạt 93,13%.

- Cử người lao động tham gia huấn luyện nâng cao Bắn đạn thật súng tiểu liên AK, AR15 cho lực lượng tự vệ năm thứ nhất trở lên, số lượng 23 người; Tham gia huấn luyện Lực lượng dự bị động viên, số lượng: 10 người, thời gian huấn luyện 18 ngày.

- Duy trì thực hiện Quy chế phối hợp, kết nghĩa với các lực lượng chức năng địa phương tổ chức tuần tra 24 cuộc, 128 lượt người tham gia tuần tra, canh gác giữ gìn ANCT-TT.ATXH phát hiện trộm cắp mũ 44 vụ với 29 đối tượng, giảm 29 vụ, 24 đối tượng so cùng kỳ. Tang vật tạm giữ 731 kg mũ các loại; Người, tang vật và phương tiện chuyển giao Công an địa phương xử phạt hành chính, số tiền 15 triệu đồng.

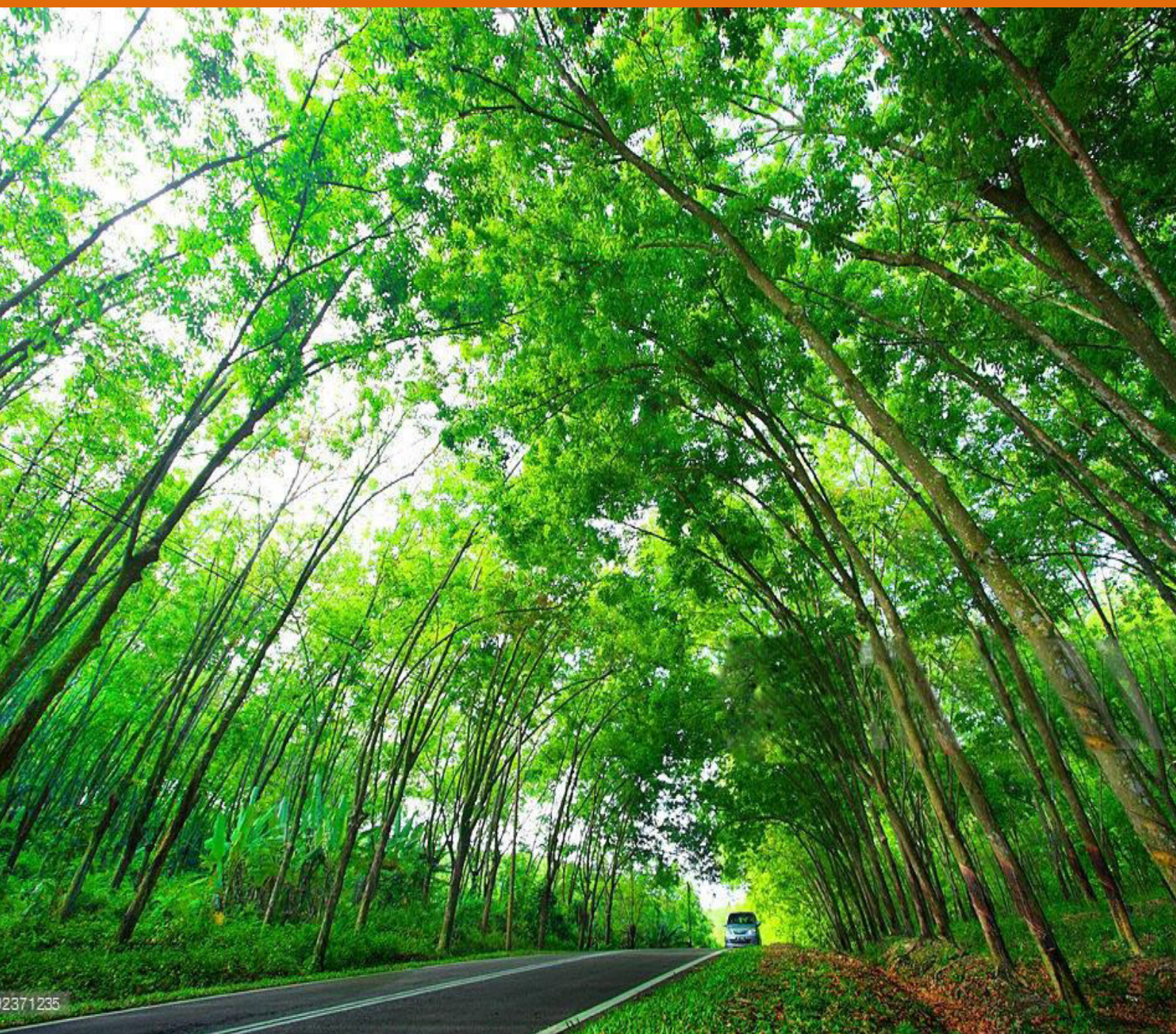
- Công tác chính sách và trang bị, công cụ hỗ trợ đối với lực lượng bảo vệ được Công ty thực hiện tốt.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025
1	2	3
* Diện tích cao su khai thác.	Ha	2.480,83
<i>Trong đó: Diện tích cao su Công ty tự khai thác</i>	<i>Ha</i>	<i>1.942,21</i>
<i>Diện tích cao su nhượng bán quyền khai thác</i>	<i>Ha</i>	<i>538,62</i>
* Diện tích cao su KTCB	Ha	2.633,32
* Diện tích cao su thanh lý trong kỳ	Ha	521,03
* Diện tích cao su tái canh	Ha	539,31
* Sản lượng cao su khai thác. Trong đó:	Tấn	3.300
- Sản lượng cao su Công ty tự khai thác	<i>Tấn</i>	<i>2.584</i>
- Sản lượng cao su nhượng quyền khai thác	<i>Tấn</i>	<i>716</i>
* Năng suất bình quân	Tấn/ha	1,33
* Sản lượng thu mua cao su tiểu điền	Tấn	1.000
* Sản lượng thu mua cao su thành phẩm	Tấn	5.000
* Sản lượng cao su chế biến.	Tấn	3.584
- Mủ công ty	<i>Tấn</i>	<i>2.584</i>
- Mủ thu mua	<i>Tấn</i>	<i>1.000</i>
* Sản lượng cao su tiêu thụ	Tấn	8.600
* Tổng doanh thu	Tỷ đồng	633.193
<i>Trong đó: Doanh thu cao su khai thác, thu mua và hàng hóa cao su</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>408.535</i>
* Giá bán tiêu thụ cao su bình quân	Triệu đồng/tấn	47,5
<i>Trong đó: Giá bán tiêu thụ mủ cao su khai thác</i>	<i>Triệu đồng/tấn</i>	<i>47,6</i>
* Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng	71.907
* Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	224.077
* Tỷ lệ chia cổ tức (% trên mệnh giá cổ phiếu) tối thiểu	%	10
* Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Vốn ĐL	%	25,48
* Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu	%	35,39
* Tổng nộp ngân sách (số phải nộp)	Tỷ đồng	60.266

IV. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ❖ Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
- ❖ Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc
- ❖ Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị



12371235

ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2024, nền kinh tế thế giới trong và ngoài nước diễn biến phức tạp theo chiều hướng không thuận lợi, thị trường cao su diễn biến không như dự báo, công tác tiêu thụ có những khó khăn nhất định do nhu cầu yếu, giá bán giảm sâu; thời tiết không thuận lợi và đặc biệt tình hình mất cắp mủ diễn biến phức tạp, khó khăn trong công tác bảo vệ mủ cao su khai thác trên vườn cây làm ảnh hưởng đến công tác thực hiện sản lượng khai thác.

Công ty triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2024 trong bối cảnh Ngành Cao su Việt Nam nói chung và Công ty nói riêng đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức:

Đơn giá nhân công lao động, các chi phí nguyên liệu đầu vào như: phân bón, máy thi công (gồm các hạng mục khoan hố, cày chăm sóc) trong năm tăng nên ảnh hưởng đến công tác quản lý suất đầu tư trên vườn cây.

Tổng diện tích vườn cây khai thác năm 2024 của Công ty: 2.369,62 ha (trong đó: diện tích vườn cây tự khai thác 1.738,97 ha). Hơn 40% diện tích vườn cây khai thác của Công ty đang trong giai đoạn già cỗi, miệng cạo cao (diện tích vườn cây nhóm 3 và tận thu: 966,50 ha, chiếm 40,79%). Diện tích vườn cây nhóm 1: 1.403,12 ha, chiếm 59,21%. Năng suất vườn cây thấp 1,34 tấn/ha.

Tình trạng công nhân tiếp tục nghỉ việc dẫn đến thiếu lao động, nên từ Quý I/2024 đến quý III/2024, Công ty xây dựng phương án nhượng quyền vườn cây khai thác bên ngoài với diện tích 630,65 ha, trong tổng số 630,65 ha xin nhượng quyền năm 2024, tiếp tục thực hiện nhượng quyền vào năm 2025 với diện tích 298,16 ha.

Tình trạng nắng hạn kéo dài từ cuối tháng 12/2023 đến tháng 4/2024, đầu tháng 5/2024 thời tiết mới có mưa rải rác nên Công ty tổ chức cạo xả trễ hơn 1 tháng so với năm 2023 (năm 2023 cạo xả đầu tháng 4); mặt khác vào tháng 09/2024 cơn bão Yagi ảnh hưởng ít nhiều đến tiến độ thực hiện kế hoạch sản lượng và ảnh hưởng đến sinh trưởng, chất lượng vườn cây trồng tái canh năm 2024.

Từ năm 2023 đến năm 2024, ngành gỗ gặp nhiều khó khăn dẫn đến các đơn vị trúng thầu cưa cắt rất chậm (bình quân cắt 2-3 ha/ngày so với số lượng diện tích cao su cưa cắt là 631,50 ha) nên gây nhiều khó khăn trong việc bàn giao mặt bằng để phục vụ công tác trồng cao su tái canh năm 2024 tại đơn vị.

- Ngày 13/05/2024, Công ty tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 để thống nhất các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.

- Trong bối cảnh đó, dưới sự quản lý, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và sự điều hành của Ban tổng Giám đốc cùng với sự nỗ lực vượt bậc, quyết tâm cao độ của toàn thể người quản lý và người lao động, Công ty đã hoàn thành cơ bản nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2024.

- Năm 2024, Công ty đã thực hiện được các chỉ tiêu cơ bản như sau:

Một số chỉ tiêu cơ bản Năm 2024

CHỈ TIÊU	ĐVT	KÊ HOẠCH	THỰC HIỆN	% KH
CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG				
Sản lượng khai thác	Tấn	2.505,00	2.283,20	91,15
Năng suất	Tấn/ha	1,06	0,96	91,15
Sản lượng chế biến	Tấn	3.505,00	3.441,78	98,20
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	11.500,00	14.735,04	128,13
Tồn kho cuối năm	Tấn	3.956	1.354	34,23
CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ				
Giá thành	Triệu đ/tấn			
- Mủ khai thác	-	36.497,24	42.979	117,76
- Mủ thu mua	-	37.757,80	46.211	122,39
- Hàng hóa cao su	-	34.977,00	40.550	115,93
Giá bán	Triệu đ/tấn			
- Mủ khai thác	-	37.820,00	42.386	112,07
- Mủ thu mua	-	37.993,00	46.444	122,24
- Hàng hóa cao su	-	34.977,00	40.595	116,06
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	647.586,00	904.106,00	139,61
Tổng LNTT	-	229.001,00	278.314,00	121,53
Trả cổ tức năm 2023 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024	%	10,00	22,00	220,00

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

- Chủ tịch HĐQT Công ty luôn giữ liên lạc thường xuyên với các thành viên HĐQT khác để thống nhất ý kiến chỉ đạo và có quyết định đúng đắn, kịp thời.
- Các thành viên Ban Tổng Giám Đốc Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao theo các Nghị quyết đã được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên, báo cáo tình hình hoạt động của Công ty cho các thành viên HĐQT thường xuyên nhằm xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh.
- Phân công nhiệm vụ rõ ràng cho Tổng Giám Đốc và định kỳ tổ chức các cuộc họp giao ban hàng tháng, hàng quý để đánh giá kết quả triển khai các hoạt động được giao.

CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

- Tiếp tục phát huy các thành quả đã đạt được, khắc phục tồn tại của năm 2024.
- Duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015; Hệ thống quản lý phòng thí nghiệm ISO/IEC17025:2017; Vận hành quản lý hệ thống chuỗi hành trình sản phẩm CoC từ khâu khai thác đến khâu tiêu thụ sản phẩm, điều chỉnh tỷ trọng chế biến theo hướng tăng chủng loại sản phẩm có nhu cầu của thị trường cao hơn, có giá trị gia tăng nhiều hơn. Nâng cao vai trò quản lý của Cán bộ các cấp, tiếp tục cải tiến các định mức kinh tế kỹ thuật, sắp xếp, quản lý sản xuất hợp lý nhằm tiết giảm tối đa các chi phí nhằm giảm giá thành sản xuất thành phẩm ở mức tối ưu nhất có thể.
- Triệt để thực hành tất cả các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao vai trò của lực lượng Bảo vệ, phối hợp tốt với chính quyền địa phương để hạn chế các hiện tượng tiêu cực.
- Đổi mới quản lý. Thường xuyên đào tạo và bồi dưỡng năng lực cán bộ các cấp nhằm đáp ứng với yêu cầu trong tình hình mới. Ứng dụng các tiến bộ công nghệ vào quản lý và sản xuất.
- Tổ chức thu mua mủ cao su tiêu điền trên địa bàn và nhận gia công mủ cao su để tận dụng hết công suất của Nhà máy, tạo việc làm cho người lao động, đảm bảo kinh doanh có lãi, tăng doanh thu, tăng thu nhập cho người lao động;
- Tập trung tái cơ cấu, tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, kiểm soát đầu tư ở Công ty con (2 dự án tại Campuchia) và các Công ty liên doanh, liên kết để thực hiện tốt nhiệm vụ và đảm bảo kinh doanh có lợi nhuận.
- Tiếp tục tích cực chăm lo đến đời sống và điều kiện làm việc cho người lao động.
- Tăng cường công tác quản lý suất đầu tư, kết hợp trồng xen canh nhằm giảm suất đầu tư, chủ động xây dựng phương án nhượng quyền khai thác đối với diện tích thiếu lao động khai thác, tiếp tục thực hiện hợp tác đầu tư trồng luân canh cây trồng khác trên diện tích chờ chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

- Tiếp tục phối hợp với các cơ quan chính quyền địa phương trong việc thực hiện cấp chứng chỉ rừng bền vững đối với diện tích rừng cao su còn lại nhằm nâng cao giá trị sản phẩm của Công ty nói riêng và thương hiệu của Tập đoàn nói chung.

Sau đây là một số chỉ tiêu chính trong kế hoạch năm 2025 của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên:

- Diện tích cao su khai thác: 2.480,83 ha.

- Tổng sản lượng cao su khai thác: 3.300 tấn.

Trong đó:

+ Sản lượng cao su Công ty tự khai thác: 2.584 tấn.

+ Sản lượng cao su nhượng quyền khai thác: 716 tấn.

- Năng suất bình quân: 1,33 tấn/ha.

- Thu mua mủ cao su nguyên liệu: 1.000 tấn.

- Thu mua cao su thành phẩm: 5.000 tấn.

- Sản lượng cao su chế biến (Mủ Công ty và thu mua): 3.584 tấn.

- Tổng sản lượng tiêu thụ: 8.600 tấn.

Trong đó:

+ Xuất khẩu: 2.700 tấn.

+ Nội tiêu: 5.900 tấn.

- Giá bán tiêu thụ cao su bình quân 47,5 triệu đồng/tấn. Trong đó: Giá bán mủ cao su khai thác 47,6 triệu đồng/tấn

- Tổng doanh thu: 633,193 tỷ đồng. (Trong đó: Doanh thu từ hoạt động SXKD cao su: 408,535 tỷ đồng).

- Lợi nhuận trước thuế: 224.077 tỷ đồng.

- Tỷ lệ chia cổ tức tối thiểu: 10%/mệnh giá.

- Phần đầu tiên lương bình quân trên 5,956 triệu đồng/người/tháng.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY



- ❖ Hội đồng quản trị
- ❖ Ban Kiểm soát
- ❖ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát
- ❖ Quan hệ cổ đông

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Tên thành viên	Chức vụ	Tư cách thành viên
01	Lê Thị Bích Lợi	Chủ Tịch HĐQT	Thành Viên Điều Hành (Miễn nhiệm ngày 02/12/2024)
02	Trương Văn Cư	Chủ Tịch HĐQT	Thành Viên Điều Hành (Bổ nhiệm ngày 02/12/2024)
03	Dương Tấn Phong	TV. HĐQT	Thành Viên Điều Hành
04	Lâm Thanh Phú	TV. HĐQT	Thành Viên Điều Hành
05	Đỗ Quốc Tuấn	TV.HĐQT	Thành Viên Độc Lập

Hoạt động của HĐQT

Các cuộc họp của HĐQT

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã tổ chức 04 phiên họp, ban hành 152 Nghị quyết, Quyết định để quản lý, lãnh đạo trong công tác cán bộ và sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hàng quý, Hội đồng Quản trị tổ chức họp với sự tham gia mở rộng của Ban Kiểm soát, Chủ tịch Công đoàn, Ban Điều hành và Trưởng phòng nghiệp vụ của Công ty để đánh giá tình hình hoạt động và triển khai kế hoạch quý sau, chỉ đạo Ban điều hành tổ chức thực hiện đạt hiệu quả.

Hàng tháng HĐQT tham gia họp giao ban cùng với Ban điều hành để chỉ đạo, nắm bắt thông tin kết quả thực hiện các nghị quyết, chủ trương đã đề ra.

Các cuộc họp HĐQT đều đảm bảo đúng thủ tục theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Kết hợp với Ban kiểm soát tiếp tục duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định của Pháp luật.

Các Nghị quyết, Quyết định đã thông qua trong năm 2024:

STT	Số Nghị quyết	Ngày tháng VB	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/QĐ-HĐQTCSTB	02/01/2024	Quyết định v/v phê duyệt Hệ thống Bảng lương và chuyển xếp lương (sửa đổi, bổ sung)	100%
2	02/QĐ-HĐQTCSTB	04/01/2024	Quyết định v/v ban hành Quy chế nâng bậc lương thường xuyên, trước thời hạn (sửa đổi, bổ sung)	100%
3	05/NQ-HĐQTCSTB	04/01/2024	Nghị quyết về công tác sản xuất kinh doanh	100%
4	13/NQ-HĐQTCSTB	22/01/2024	Nghị quyết v/v thông qua kết quả bình xét thi đua và phương án thưởng năm 2023	100%
5	28/NQ-	23/01/2024	Nghị quyết về công tác sản xuất kinh doanh	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày tháng VB	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
	HĐQTCSTB			
6	14/QĐ-HĐQTCSTB	24/01/2024	Quyết định v/v phê duyệt thanh lý cây cao su gãy đổ	100%
7	25/NQ-HĐQTCSTB	30/01/2024	Nghị quyết v/v thống nhất Phương án trả lương bổ sung năm 2023	100%
8	26/NQ-HĐQTCSTB	30/01/2024	Nghị quyết về công tác tiền lương	100%
9	31/NQ-HĐQTCSTB	02/02/2024	Nghị quyết v/v thống nhất các giao dịch giữa Công ty và các bên có liên quan trong năm 2024	100%
10	33/QĐ-HĐQTCSTB	05/02/2024	Quyết định về công tác tạm chi trả tiền lương	100%
11	36/QĐ-HĐQTCSTB	16/02/2024	Quyết định v/v phê duyệt Quỹ tiền lương thực hiện năm 2023.	100%
12	42/QĐ-HĐQTCSTB	21/02/2024	Quyết định v/v kiện toàn BCD phát triển bền vững	100%
13	44/NQ-HĐQTCSTB	21/02/2024	Nghị quyết về công tác sản xuất kinh doanh	100%
14	48/QĐ-HĐQTCSTB	23/02/2024	Quyết định v/v phê duyệt dự toán: Khảo sát, BC KTKT công trình: "sửa chữa NVH Công nhân"	100%
15	49/QĐ-HĐQTCSTB	23/02/2024	Quyết định v/v phê duyệt dự toán: Khảo sát, BC KTKT công trình: "Hệ thống PCCC"	100%
16	50/QĐ-HĐQTCSTB	26/02/2024	Quyết định v/v phê duyệt dự toán: Khảo sát, BC KTKT công trình: "sửa chữa đường lô"	100%
17	56/NQ-HĐQTCSTB	12/03/2024	Nghị quyết về thống nhất chủ trương công tác nhân sự	100%
18	59/NQ-HĐQTCSTB	14/03/2025	Nghị quyết v/v hợp hội đồng quản trị Công ty quý I/2024	100%
19	59/QĐ-	14/03/2024	Quyết định v/v ban hành quy chế quản lý	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày tháng VB	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
	HĐQTCSTB		người giữ chức danh, chức vụ tại Công ty	
20	64/NQ-HĐQTCSTB	25/03/2024	Nghị quyết v/v thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	100%
21	68/QĐ-HĐQTCSTB	26/03/2024	Quyết định v/v phê duyệt danh sách rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý.	100%
22	71/NQ-HĐQTCSTB	03/04/2024	Nghị quyết về công tác sản xuất kinh doanh	100%
23	73/QĐ-HĐQTCSTB	04/04/2024	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch tổ chức bán đấu giá tài sản: Quyền khai thác mỏ cao su	100%
24	74/QĐ-HĐQTCSTB	04/04/2024	Quyết định v/v điều chỉnh giá bán khởi điểm các gói tài sản số 3, 4, 5, của lô tài sản thanh lý	100%
25	82/QĐ-HĐQTCSTB	09/04/2024	Quyết định về công tác nhân sự	100%
26	77/NQ-HĐQTCSTB	09/04/2024	Nghị quyết về công tác nhân sự	100%
27	80/NQ-HĐQTCSTB	09/04/2024	Nghị quyết về công tác sản xuất kinh doanh	100%
28	83/NQ-HĐQTCSTB	09/04/2024	Nghị quyết về công tác tổ chức sản xuất	100%
29	84/QĐ-HĐQTCSTB	10/04/2024	Quyết định v/v phê duyệt phương thức thanh lý cây cao su gãy đổ tại Nông trường cao su Xa Mát	100%
30	89/QĐ-HĐQTCSTB	11/04/2024	Quyết định v/v phê duyệt dự toán chăm sóc 01 ha cây Keo lai năm 2024	100%
31	100/QĐ-HĐQTCSTB	16/04/2024	Quyết định v/v cử cán bộ đi công tác nước ngoài	100%
32	98/NQ-HĐQTCSTB	16/04/2024	Nghị quyết về công tác tổ chức sản xuất	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày tháng VB	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
33	99/NQ-HĐQTCSTB	16/04/2024	Nghị quyết về công tác tổ chức sản xuất	100%
34	101/NQ-HĐQTCSTB	17/04/2024	Nghị quyết về công tác tổ chức sản xuất	100%
35	116/NQ-HĐQTCSTB	23/04/2024	Nghị quyết về công tác sản xuất kinh doanh	100%
36	112/NQ-HĐQTCSTB	24/04/2024	Nghị quyết về công tác sản xuất kinh doanh	100%
37	113/NQ-HĐQTCSTB	24/04/2024	Nghị quyết về công tác sản xuất kinh doanh	100%
38	120/QĐ-HĐQTCSTB	02/05/2024	Quyết định v/v phê duyệt điều chỉnh giá trị vốn đầu tư công trình: "sửa chữa NVH Công nhân"	100%
39	122/HĐQTCSTB	03/05/2024	Quyết định v/v phê duyệt báo cáo KTKT công trình: "Cải tạo sửa chữa NVH"	100%
40	123/NQ-HĐQTCSTB	04/05/2024	Nghị quyết về công tác nhân sự	100%
41	124/NQ-HĐQTCSTB	06/05/2024	Nghị quyết v/v thông qua điều chỉnh nội dung một số tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2024	100%
42	135/NQ-HĐQTCSTB	15/05/2024	Nghị quyết về công tác nhân sự	100%
43	140/QĐ-HĐQTCSTB	15/05/2024	Quyết định v/v chuyển xếp lương đối với cán bộ Công đoàn chuyên trách	100%
44	137/NQ-HĐQTCSTB	16/05/2024	Nghị quyết về công tác nhân sự	100%
45	144/QĐ-HĐQTCSTB	17/05/2024	Quyết định v/v phê duyệt suất đầu tư tái canh, chăm sóc 1 ha cao su năm 2024	100%
46	154/QĐ-HĐQTCSTB	23/05/2024	Quyết định v/v điều chỉnh giá bán khởi điểm gói số 4 của lô tài sản công cụ dụng cụ đã qua sử dụng"	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày tháng VB	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
47	155/QĐ-HĐQTCSTB	24/05/2024	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch lao động năm 2024	100%
48	156/QĐ-HĐQTCSTB	24/05/2024	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch kinh phí An toàn VSLĐ năm 2024	100%
49	157/QĐ-HĐQTCSTB	24/05/2024	Quyết định v/v phê duyệt KH kinh phí đào tạo và tập huấn ngắn hạn năm 2024	100%
50	159/NQ-HĐQTCSTB	30/05/2024	Nghị quyết về công tác tổ chức sản xuất	100%
51	165A/NQ-HĐQTCSTB	31/05/2024	Nghị quyết về công tác nhân sự	100%
52	165/QĐ-HĐQTCSTB	31/05/2024	Quyết định v/v phê duyệt dự toán nông nghiệp năm 2024	100%
53	163/NQ-HĐQTCSTB	03/06/2024	Nghị quyết v/v họp Hội đồng quản trị Công ty Quý II/2024	100%
54	164/QĐ-HĐQTCSTB	04/06/2024	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024	100%
55	168/NQ-HĐQTCSTB	10/06/2024	Nghị quyết v/v thống nhất chọn đơn vị soát xét BCTC 6 tháng và kiểm toán BCTC năm 2024	100%
56	169/QĐ-HĐQTCSTB	12/06/2024	Quyết định v/v ban hành quy chế quản lý xen canh cây ngắn ngày	100%
57	172/NQ-HĐQTCSTB	13/06/2024	Nghị quyết về công tác sản xuất kinh doanh	100%
58	175/QĐ-HĐQTCSTB	20/06/2024	Quyết định v/v công tác sản xuất kinh doanh	100%
59	177/QĐ-HĐQTCSTB	26/06/2024	Quyết định v/v công tác tổ chức sản xuất	100%
60	179/QĐ-HĐQTCSTB	01/07/2024	Quyết định v/v thành lập lại Hội đồng tiền lương Công ty	100%
61	184/NQ-	02/07/2024	Nghị quyết về công tác nhân sự tại Công ty	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày tháng VB	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
	HĐQTCSTB		TNHH PTCS Tân Biên-KamPong Thom	
62	183/QĐ-HĐQTCSTB	03/07/2024	Quyết định v/v nâng bậc lương đối với CB	100%
63	186/QĐ-HĐQTCSTB	03/07/2024	Quyết định v/v nâng bậc lương đối với CB	100%
64	188/NQ-HĐQTCSTB	11/07/2024	Nghị quyết về công tác nhân sự - thỏa thuận để thực hiện quy trình bổ nhiệm chức danh Phó Trưởng phòng TTBV-QSĐV	100%
65	189/QĐ-HĐQTCSTB	15/07/2024	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch tiền lương	100%
66	193/NQ-HĐQTCSTB	16/07/2024	Nghị quyết về công tác nhân sự tại Công ty CP cao su Tân Biên	100%
67	195/NQ-HĐQTCSTB	18/07/2024	Nghị quyết v/v thống nhất thỏa thuận chủ trương thực hiện quy trình bổ nhiệm lại chức vụ cán bộ lao động quản lý	100%
68	196/NQ-HĐQTCSTB	18/07/2024	Nghị quyết v/v thống nhất thỏa thuận chủ trương thực hiện quy trình bổ nhiệm lại chức vụ Giám đốc Xí nghiệp CKCB	100%
69	197/NQ-HĐQTCSTB	19/07/2024	Nghị quyết về công tác sản xuất kinh doanh	100%
70	198/QĐ-HĐQTCSTB	19/07/2024	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch tổ chức bán đấu giá tài sản: Quyền khai thác mỏ cao su năm 2024 và năm 2025 tại NTCS Bỏ Túc	100%
71	203/QĐ-HĐQTCSTB	23/07/2024	Quyết định v/v phê duyệt thanh lý, giá bán khởi điểm cây cao su gãy đổ tại Nông trường cao su Bỏ Túc và Nông trường cao su Suối Ngô	100%
72	204/QĐ-HĐQTCSTB	24/07/2024	Quyết định v/v phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật Công trình: "Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa đường lô năm 2024	100%
73	209/QĐ-HĐQTCSTB	26/07/2024	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: " Cải tạo, nâng cấp, sửa	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày tháng VB	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			chữa đường lô năm 2024	
74	207/NQ-HĐQTCSTB	26/07/2024	Nghị quyết v/v thống nhất Phương án sắp xếp bộ máy, mô hình hoạt động và tỷ lệ LĐ gián tiếp	100%
75	211/QĐ-HĐQTCSTB	05/08/2024	Quyết định v/v phê duyệt dự toán chi phí: Khảo sát, thiết kế và Báo cáo KTKT; Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn thuộc công trình: "Cổng và hàng rào tại Văn phòng NTCS Bồ Túc"	100%
76	212A/NQ-HĐQTCSTB	07/08/2024	Nghị quyết v/v thống nhất thỏa thuận bổ nhiệm chức vụ Phó Trưởng Phòng TTBV-QSDV	100%
77	213A/QĐ-HĐQTCSTB	08/08/2024	Quyết định v/v phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán phát sinh công trình: "Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa công nhân, nhà vệ sinh và hành lang nổi"	100%
78	214/NQ-HĐQTCSTB	12/08/2024	Nghị quyết v/v thống nhất bổ nhiệm lại chức vụ cán bộ quản lý cấp phòng, đơn vị trực thuộc	100%
79	221/NQ-HĐQTCSTB	12/08/2024	Nghị quyết về công tác sản xuất kinh doanh	100%
80	221A/QĐ-HĐQTCSTB	14/08/2024	Quyết định v/v phê duyệt dự toán chi phí: Khảo sát, thiết kế và lập Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật, Thẩm tra thiết kế và Dự toán công trình: "Nhà ăn tập thể công nhân tại Đội 3 sản xuất - NTCS Bồ Túc"	100%
81	222A/QĐ-HĐQTCSTB	15/08/2024	Quyết định v/v phê duyệt dự toán chi phí: Khảo sát, thiết kế và lập Báo cáo KTKT, Thẩm tra thiết kế và Dự toán công trình: "Xây dựng khu sản xuất tại Đội sản xuất 1- NTCS Bồ Túc"	100%
82	223/QĐ-HĐQTCSTB	20/08/2024	Quyết định về kế hoạch tài chính năm 2024	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày tháng VB	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
83	224/NQ-HĐQTCSTB	21/08/2024	Nghị quyết v/v thống nhất chủ trương thanh lý 04 máy ly tâm mù cao su Latex	100%
84	237/NQ-HĐQTCSTB	26/08/2024	Nghị quyết về công tác nhân sự tại Công ty CP cao su Tân Biên	100%
85	247/NQ-HĐQTCSTB	26/08/2024	Nghị quyết về công tác nhân sự Người đại diện vốn	100%
86	225/QĐ-HĐQTCSTB	27/08/2024	Quyết định v/v phê duyệt thanh lý, giá bán khởi điểm cây cao su gãy đổ tại Nông trường cao su Suối Ngô	100%
87	230/QĐ-HĐQTCSTB	28/08/2024	Quyết định v/v thành lập lại Hội đồng thanh lý tài sản cố định của Công ty CP cao su Tân Biên	100%
88	231/QĐ-HĐQTCSTB	28/08/2024	Quyết định v/v thành lập lại Hội khuyến học và phát triển giáo dục cơ sở thuộc Công ty CP cao su Tân Biên	100%
89	232/QĐ-HĐQTCSTB	28/08/2024	Quyết định v/v thành lập lại Hội đồng thi đua khen thưởng của Công ty CP cao su Tân Biên	100%
90	233/QĐ-HĐQTCSTB	28/08/2024	Quyết định v/v thành lập lại Hội đồng xử lý nợ của Công ty CP cao su Tân Biên	100%
91	234/QĐ-HĐQTCSTB	28/08/2024	Quyết định v/v thành lập lại Ban thẩm định hồ sơ và kết quả đấu thầu các công trình XDCB, mua sắm đồ dùng vật tư trang thiết bị, phương tiện làm việc	100%
92	227/NQ-HĐQTCSTB	28/08/2024	Nghị quyết v/v họp Hội đồng quản trị Công ty CP cao su Tân Biên Quý III/2024	100%
93	245/NQ-HĐQTCSTB	04/09/2024	Nghị quyết v/v thống nhất chi trả cổ tức năm 2023	100%
94	250/QĐ-HĐQTCSTB	06/09/2024	Quyết định v/v nghỉ hưu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội	100%
95	253/QĐ-HĐQTCSTB	10/09/2024	Quyết định v/v phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật Hạng mục: Đầu tư mua sắm 01 xe nâng hàng	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày tháng VB	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
96	255/QĐ-HĐQTCSTB	13/09/2024	Quyết định v/v phê duyệt chủ trương thực hiện đầu tư trồng thử nghiệm cây Chiêu liêu, Thanh thất trên diện tích đất trồng trũng, ven suối và đất thu hồi	100%
97	260/QĐ-HĐQTCSTB	20/09/2024	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm Hạng mục: "Đầu tư mua sắm 01 xe nâng hàng"	100%
98	265/QĐ-HĐQTCSTB	24/09/2024	Quyết định v/v phê duyệt thanh lý, giá khởi điểm cây cao su gãy đổ tại Nông trường cao su Bồ Túc	100%
99	268/QĐ-HĐQTCSTB	25/09/2024	Quyết định v/v kiện toàn Ban chỉ đạo và các tổ trực thuộc Ban chỉ đạo trong công tác quản lý hàm lượng mùn cao su khai thác, thu mua, gia công của Công ty CP cao su Tân Biên	100%
100	269/QĐ-HĐQTCSTB	25/09/2024	Quyết định v/v phê duyệt dự toán trồng và chăm sóc 01 ha cây chiêu liêu và thanh thất năm 2024	100%
101	271/NQ-HĐQTCSTB	26/09/2024	Nghị quyết về công tác nhân sự	100%
102	278/QĐ-HĐQTCSTB	01/10/2024	Quyết định v/v ban hành Quy chế Quản lý tài chính (sửa đổi, bổ sung) của Công ty Cổ phần cao su Tân Biên	100%
103	280/QĐ-HĐQTCSTB	01/10/2024	Quyết định v/v phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật Công trình: "Nhà ăn tập thể công nhân tại đội 3 sản xuất -NTCS Bồ Túc"	100%
104	283/NQ-HĐQTCSTB	04/10/2024	Nghị quyết v/v về công tác nhân sự	100%
105	284/QĐ-HĐQTCSTB	07/10/2024	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: "Nhà ăn tập thể công nhân tại đội 3 sản xuất - NTCS Bồ Túc"	100%
106	285/QĐ-HĐQTCSTB	09/10/2024	Quyết định v/v phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật Hạng mục: "Đầu tư mua sắm 04 xe ô tô bán tải"	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày tháng VB	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
107	285A/QĐ-HĐQTCSTB	09/10/2024	Quyết định v/v cử Cán bộ đi công tác nước ngoài	100%
108	286/QĐ-HĐQTCSTB	10/10/2024	Quyết định v/v phê duyệt thanh lý, giá bán khởi điểm cây cao su gãy đổ tại NT cao su Bỏ Túc	100%
109	287/QĐ-HĐQTCSTB	10/10/2024	Quyết định v/v phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: "Hệ thống phòng cháy chữa cháy kho mủ (nhà kho số 2) và xưởng chế biến mủ kem"	100%
110	293/QĐ-HĐQTCSTB	11/10/2024	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Công trình: Hệ thống phòng cháy chữa cháy kho mủ (nhà kho số 2) và xưởng chế biến mủ kem	100%
111	298/QĐ-HĐQTCSTB	14/10/2024	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm Hàng mục: "Đầu tư mua sắm 04 xe ô tô bán tải"	100%
112	302/QĐ-HĐQTCSTB	15/10/2024	Quyết định v/v phê duyệt danh sách rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo cấp Trưởng, Phó phòng, đơn vị trực thuộc Công ty giai đoạn 2021-2026 (thời điểm năm 2024)	100%
113	303/QĐ-HĐQTCSTB	15/10/2024	Quyết định v/v phê duyệt danh sách rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo cấp Trưởng, Phó phòng, đơn vị trực thuộc Công ty giai đoạn 2026-2031 (thời điểm năm 2024)	100%
114	308/QĐ-HĐQTCSTB	18/10/2024	Quyết định v/v phê duyệt điều chỉnh suất đầu tư tái canh, chăm sóc 1 ha cao su năm 2024	100%
115	306/NQ-HĐQTCSTB	18/10/2024	Nghị quyết v/v thống nhất phương án bán tận thu quyền khai thác mủ cao su tại NTCS Suối Ngô	100%
116	311/NQ-HĐQTCSTB	21/10/2024	Nghị quyết v/v thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày tháng VB	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
117	312/QĐ-HĐQTCSTB	21/10/2024	Quyết định v/v phê duyệt chủ trương sử dụng dự phòng phí 5% để thanh toán chi phí chăm sóc vườn cây KTCB năm 2024	100%
118	314/NQ-HĐQTCSTB	22/10/2024	Nghị quyết v/v thống nhất giá và kế hoạch tổ chức lựa chọn đối tác xen canh cây ngắn ngày	100%
119	315/NQ-HĐQTCSTB	22/10/2024	Nghị quyết về công tác nhân sự - cử Người đại diện vốn	100%
120	320/QĐ-HĐQTCSTB	29/10/2024	Quyết định v/v phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật Công trình: "Xây dựng khu sản xuất tại Đội sản xuất 1 - NTCS Bồ Túc"	100%
121	324/QĐ-HĐQTCSTB	05/11/2024	Quyết định v/v bổ nhiệm lại chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty CP cao su Tân Biên	100%
122	329/NQ-HĐQTCSTB	06/11/2024	Nghị quyết v/v thay đổi thời gian tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024	100%
123	332/QĐ-HĐQTCSTB	08/11/2024	Quyết định v/v phê duyệt điều chỉnh dự toán nông nghiệp năm 2024 (Tái canh, chăm sóc cao su KTCB từ năm thứ 2 đến năm thứ 8)	100%
124	338/QĐ-HĐQTCSTB	08/11/2024	Quyết định v/v phê duyệt điều chỉnh dự toán trồng và chăm sóc 01 ha cây chiêu liêu và thanh thất năm 2024	100%
125	340/QĐ-HĐQTCSTB	11/11/2024	Quyết định v/v phê duyệt thanh lý, giá bán khởi điểm cây Keo lai gãy đổ tại Nông trường cao su Bồ Túc và Nông trường cao su Suối Ngô	100%
126	343/QĐ-HĐQTCSTB	13/11/2024	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Công trình: "Xây dựng khu sản xuất tại Đội sản xuất 1 - NTCS Bồ Túc"	100%
127	345/NQ-HĐQTCSTB	13/11/2024	Nghị quyết về công tác cơ cấu tổ chức	100%
128	349/QĐ-	19/11/2024	Quyết định v/v phê duyệt thanh lý, giá bán khởi điểm cây cao su gãy đổ tại NTCS Suối	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày tháng VB	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
	HĐQTCSTB		Ngô	
129	359/NQ-HĐQTCSTB	21/11/2024	Nghị quyết về công tác nhân sự	100%
130	120/QĐ-HĐQTCSTB	27/11/2024	Quyết định v/v thành lập lại Hội đồng quản lý Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ	100%
131	358/QĐ-HĐQTCSTB	27/11/2024	Quyết định v/v bổ nhiệm lại chức vụ KTT Công ty CP cao su Tân Biên	100%
132	361/QĐ-HĐQTCSTB	28/11/2024	Quyết định v/v phê duyệt điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2025	100%
133	369/QĐ-HĐQTCSTB	28/11/2024	Quyết định v/v ban hành quy chế giám sát đầu tư vốn Nhà nước vào Công ty CP cao su Tân Biên, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của Công ty vào doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty	100%
134	364/NQ-HĐQTCSTB	28/11/2024	Nghị quyết v/v họp Hội đồng quản trị Công ty CP cao su Tân Biên quý IV/2024	100%
135	368/NQ-HĐQTCSTB	29/11/2024	Nghị quyết v/v thống nhất giá và kế hoạch tổ chức lựa chọn đối tác xen canh cây ngắn ngày	100%
136	370/NQ-HĐQTCSTB	02/12/2024	Nghị quyết v/v thống nhất miễn nhiệm và kết quả trúng cử chức danh Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên NK 2021-2026	100%
137	373/NQ-HĐQTCSTB	02/12/2024	Nghị quyết v/v thống nhất miễn nhiệm chức vụ TGD Công ty CP Cao su Tân Biên	100%
138	371/QĐ-HĐQTCSTB	02/12/2024	Quyết định v/v thôi giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cao su Tân Biên	100%
139	372/QĐ-HĐQTCSTB	02/12/2024	Quyết định v/v công nhận kết quả trúng cử chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty NK 2021-2026	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày tháng VB	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
140	374/QĐ-HĐQTCSTB	02/12/2024	Quyết định v/v thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty CP cao su Tân Biên	100%
141	376/NQ-HĐQTCSTB	03/12/2024	Nghị quyết về công tác nhân sự	100%
142	380/QĐ-HĐQTCSTB	05/12/2024	Quyết định v/v phê duyệt mức độ hoàn thành nhiệm vụ Người ĐDV	100%
143	384/QĐ-HĐQTCSTB	13/12/2024	Quyết định v/v phê duyệt chủ trương thanh lý vườn cây cao su để tái canh năm 2024	100%
144	385/QĐ-HĐQTCSTB	16/12/2024	Quyết định v/v thành lập lại Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở	100%
145	386/QĐ-HĐQTCSTB	16/12/2024	Quyết định v/v thành lập Hội đồng KHCN đánh giá nghiệm thu kết quả đề tài "Cải tạo và nâng cấp hệ thống xử lý nước thải (công suất 950 m3/ngày.đêm) tại Xí nghiệp CKCB	100%
146	389/QĐ-HĐQTCSTB	20/12/2024	Quyết định v/v Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động (sửa đổi, bổ sung) Công ty CP cao su Tân Biên	100%
147	392/QĐ-HĐQTCSTB	23/12/2024	Quyết định v/v phê duyệt chủ trương thực hiện xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và thiết kế ứng dụng thu thập dữ liệu vùng trồng theo tiêu chí EUDR	100%
148	397/QĐ-HĐQTCSTB	30/12/2024	Quyết định v/v bổ nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty CP cao su Tân Biên	100%
149	400/NQ-HĐQTCSTB	30/12/2024	Nghị quyết v/v thống nhất nhân sự lãnh đạo các phòng sau khi sáp nhập	100%
150	404/QĐ-HĐQTCSTB	31/12/2024	Quyết định v/v phê duyệt dự toán mua sắm và kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm cây giống cao su trồng tái canh năm 2025	100%
151	407/QĐ-HĐQTCSTB	31/12/2024	Quyết định v/v ban hành bảng phân công nhiệm vụ các Thành viên HĐQT Công ty CP cao su Tân Biên	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày tháng VB	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
152	402/NQ-HĐQTCSTB	31/12/2024	Nghị quyết v/v phê duyệt chủ trương ký kết hợp đồng dài hạn tiêu thụ cao su với Công ty TNHH phát triển cao su Tân Biên - KampongThom và Công ty TNHH cao su MeKong năm 2025	100%

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: không có

- Các cuộc họp HĐQT đều đảm bảo đúng thủ tục theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Các thành viên HĐQT đã có gắng hoàn thành tốt chức trách của mình, hành động vì lợi ích của cổ đông và của Công ty.
- Kết hợp với Ban kiểm soát tiếp tục duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động công ty theo đúng phạm vi, quyền hạn của HĐQT được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty và vì sự phát triển bền vững của đơn vị, có thể đánh giá rằng HĐQT đã hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ của mình trong việc chỉ đạo, giám sát đối với Ban điều hành và bộ máy giúp việc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, cũng như Nghị quyết, quyết định của HĐQT. Vì vậy, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, nhưng các chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã cơ bản hoàn thành, tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định, bền vững của Công ty trong những năm tới.

Danh sách các Tv.HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Tất cả Thành viên HĐQT đều có chứng chỉ đào tạo về Quản trị công ty

STT	Tên thành viên	Chức vụ	Tư cách thành viên
01	Lê Thị Bích Lợi	Chủ Tịch HĐQT	Thành Viên Điều Hành (Miễn nhiệm ngày 02/12/2024)
02	Trương Văn Cư	Chủ Tịch HĐQT	Thành Viên Điều Hành (Bổ nhiệm ngày 02/12/2024)
03	Dương Tấn Phong	TV. HĐQT	Thành Viên Điều Hành
04	Lâm Thanh Phú	TV. HĐQT	Thành Viên Điều Hành
05	Đỗ Quốc Tuấn	TV.HĐQT	Thành Viên Độc Lập



BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của Ban Kiểm soát

- Ban kiểm soát có 3 thành viên, Trưởng Ban làm việc theo chế độ chuyên trách, 02 thành viên còn lại làm việc theo chế độ bán chuyên trách. Ban Kiểm soát đề cử 02 thành viên; trong đó: 01 thành viên tham gia Tổ chuyên gia xét thầu và 01 thành viên tham gia Tổ kiểm tra nội bộ.
- Đại diện Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và đóng góp ý kiến với HĐQT – Ban Tổng giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2024.
- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, điều hành của Ban tổng giám đốc trong việc thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024.
- Xem xét các báo cáo về công tác quản lý, điều hành, báo cáo về thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng quý năm 2024 và báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024 của Công ty.
- Xem xét việc chỉ đạo và triển khai hoạt động của Hội đồng quản trị cũng như việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Tổng giám đốc điều hành.

Kết quả giám sát hoạt động và tài chính của công ty

Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2024:

Ban Kiểm soát Công ty xác nhận báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty CP Cao su Tân Biên đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty, kết quả một số chỉ tiêu chính như sau:

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	So sánh
1	Tài sản ngắn hạn		816.795	
2	Tài sản dài hạn		2.221.178	
	Tổng tài sản		3.037.973	
3	Nợ phải trả		370.478	
4	Vốn chủ sở hữu		2.667.495	
	Tổng nguồn vốn		3.037.973	
5	Doanh thu	647.586	904.106	139,61%
6	Chi phí	418.585	625.792	149,50%
7	Lợi nhuận trước thuế	229.001	278.314	121,53%
8	Lợi nhuận sau thuế	192.366	237.253	123,33%
9	Sản lượng khai thác (tấn quy khô)	2.505	2.283,20	91,15%
10	Sản lượng chế biến (tấn quy khô)	3.505	3.442	98,20%
11	Sản lượng tiêu thụ (tấn)	11.500	14.735	128,13%

Các chỉ số đánh giá an toàn và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh năm 2024:

Các chỉ số đánh giá hiệu quả theo Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2023	ĐVT	Mức đạt theo BCTC HN năm 2024
Tỷ số thanh toán nhanh	Lần	2,500
Tỷ số thanh toán nợ đến hạn	Lần	3,299
Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu	%	30,78%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu	%	9,16%
Hệ số bảo toàn vốn	Lần	1,146

Qua các chỉ tiêu đánh giá trên cho thấy Công ty CP Cao su Tân Biên có hệ số thanh toán các khoản nợ đến hạn cao, tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu và vốn cao so với mặt bằng chung của ngành cao su và quan trọng hơn hết là vốn của chủ sở hữu được bảo toàn.

Năm 2024, Công ty đã tiến hành trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi, chia cổ tức năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, như sau:

- Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi: 10,746 tỷ đồng.
- Trích thưởng Ban quản lý điều hành: 0,209 tỷ đồng.
- Chia cổ tức năm 2023 là 22% mệnh giá: 193,479 tỷ đồng.

Công tác quản lý, điều hành của Hội đồng Quản trị:

- Hội đồng Quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ quý, năm theo đúng quy định Điều lệ tổ chức. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động SXKD của Công ty trong năm.
- HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.
- Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp với căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Công tác đầu tư:

Đầu tư XDCB năm 2024 của Công ty:

- Tổng mức đầu tư năm 2024: 53.342 triệu đồng, được đầu tư bằng nguồn vốn tự có của Công ty và Vốn tín dụng. Tất cả các dự án đều được thực hiện theo đúng tiến độ kế hoạch.
- Công tác chỉ đạo và triển khai dự án từ các khâu khảo sát, thiết kế, thẩm định, lập dự toán, thẩm tra, thẩm định dự toán và phê duyệt các dự án thực hiện theo quy định về thủ tục, trình tự quản lý đầu tư xây dựng. Đơn vị thiết kế, lập dự án, báo cáo đầu tư có chức năng hành nghề. Tùy theo quy mô dự án thuê tư vấn thẩm tra Thiết kế - Dự toán, công ty tự tổ chức thẩm tra và thẩm định phê duyệt dự án, công trình, Công ty tự tổ chức đấu thầu hoặc chỉ định thầu chọn đơn vị thi công. Song song đó, Công ty tự kiểm tra giám sát công trình làm cơ sở theo dõi để nghiệm thu và thanh quyết toán công trình.
- Mỗi công trình đều có quyết định cử cán bộ nghiệp vụ chuyên môn làm công tác giám sát tại hiện trường. Thành phần nghiệm thu gồm các phòng nghiệp vụ có liên quan để thực hiện cho từng dự án, từng công trình xây dựng. Công tác nghiệm thu thực hiện đúng theo quy định về quản lý chất lượng, cụ thể nghiệm thu công việc, công đoạn và tổng nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. Công tác quyết toán căn cứ khối lượng thực hiện được nghiệm thu thể hiện trên bảng vẽ hoàn công.

Đầu tư tài chính ra bên ngoài:

Tính đến 31/12/2024, Công ty đang đầu tư vào 06 dự án với tổng số vốn đã góp là 918.024 triệu đồng. Có thể đánh giá hiệu quả công tác đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp cụ thể như sau:

- Trong quá trình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp, Công ty thực hiện đúng trình tự thủ tục về đầu tư vốn, kể cả việc đầu tư trực tiếp ra nước ngoài. Tất cả các dự án đều được Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thỏa thuận và được Hội đồng quản trị Công ty ra nghị quyết về đầu tư vốn, có quyết định cử người đại diện vốn đầy đủ.
- Về tiến độ đầu tư, Công ty thực hiện góp vốn các khoản đầu tư theo kế hoạch do các Công ty nhận đầu tư thông báo và đều được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt.

Về tiền lương:

Với việc hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2024, Tổng quỹ lương thực hiện năm 2024 của Công ty là: 67,087 tỷ đồng, thu nhập bình quân đạt 7,65 triệu đồng/người/tháng.

Công ty đã phân phối quỹ lương một các hợp lý, đúng chế độ và theo đúng quy chế của công ty đã ban hành.

Kiểm soát công nợ:

- Thực hiện quản lý công nợ phải thu, phải trả chi tiết theo từng khách hàng, từng đối tượng nợ. Thực hiện việc trích lập dự phòng theo đúng quy định hiện hành.

Các công tác khác của Ban kiểm soát:

- Kiểm tra tình hình thực hiện công tác đầu tư XDCB, tiền lương, ... tại Công ty;

- Kiểm tra tình hình quản lý và sử dụng vốn của Ban quản lý điều hành Công ty;
- Thường xuyên quan tâm theo dõi tình hình hoạt động của các dự án đầu tư tài chính của Công ty.

Nhận xét đánh giá:

- Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đã tuân thủ các quy định của Điều lệ công ty và các quy chế trong chỉ đạo điều hành hoạt động kinh doanh.
- Ban Tổng giám đốc đã điều hành công ty trên tinh thần đoàn kết nhất trí và trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của công ty và của cổ đông. Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện đầy đủ các Quyết định, Nghị quyết của HĐQT; thực hiện nghiêm túc các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo đúng Điều lệ Công ty và pháp luật quy định.
- Ban Tổng giám đốc cùng đội ngũ cán bộ quản lý đã có nhiều nỗ lực điều hành hoạt động SXKD của Công ty và đã hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng như : Sản lượng, doanh thu, lợi nhuận...

Phương hướng nhiệm vụ năm 2025:

- Căn cứ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần cao su Tân Biên; Ban Kiểm soát xây dựng phương hướng, nhiệm vụ công tác trong năm 2025 như sau:

Lĩnh vực Tài chính:

- Giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu tài chính của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Kiểm tra, giám sát thực hiện giá thành khai thác, chế biến và các chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Giám sát việc thực hiện các nghĩa vụ với cổ đông, Nhà nước.
- Thẩm định báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần cao su Tân Biên năm 2025; 06 tháng đầu năm 2025.
- Giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Lĩnh vực Nông nghiệp:

- Kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch sản lượng khai thác.
- Giám sát việc xây dựng kế hoạch và thực hiện suất đầu tư theo các quy định quản lý suất đầu tư của Tập đoàn.
- Giám sát tình hình mua và sử dụng phân bón theo các quy định của Tập đoàn.

Lĩnh vực Kế hoạch đầu tư:

- Kiểm tra, giám sát công tác đấu thầu, mua sắm thường xuyên.
- Kiểm tra, giám sát nhượng quyền khai thác, thanh lý vườn cây cao su.
- Kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản.

Lĩnh vực Lao động tiền lương:

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quyết toán quỹ tiền lương năm 2024, xây dựng kế hoạch lao động và kế hoạch tiền lương năm 2025.

- Kiểm tra, giám sát việc tuyển dụng và sử dụng lao động, thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động, phê duyệt kế hoạch lao động; đào tạo và an toàn vệ sinh lao động.

Một số công tác khác:

- Giám sát hoạt động thu mua mủ cao su.
- Giám sát tình hình thoái vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.
- Giám sát việc thẩm định báo cáo tài chính tại Công ty cổ phần cao su Tân Biên - Kampongthom.
- Giám sát các lĩnh vực mà Công ty dự kiến thực hiện trong thời gian tới như về dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khai thác mỏ đá, khu công nghiệp...
- Thực hiện việc kiểm tra, giám sát đột xuất khi có yêu cầu của Công ty, Tập đoàn và những lĩnh vực mà Ban Kiểm soát Công ty nhận thấy cần thiết, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế tại đơn vị.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc; Ban kiểm soát và Kế toán trưởng năm 2024

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

STT	Họ và tên	Lương + Thù lao	Thưởng và chi khác	Cho Công ty vay	Vay của Công ty
1	Hội đồng quản trị				
	Lê Thị Bích Lợi	445.810.543	50.052.000		
	Trương Văn Cư	435.771.764	86.792.000		
	Dương Tấn Phong	360.603.697	37.000.000		
	Lâm Thanh Phú	66.809.665	4.700.000		
	Đỗ Quốc Tuấn	29.268.000	4.700.000		
2	Ban kiểm soát				
	Nguyễn Văn Sang	316.648.068	34.000.000		
	Hoàng Quốc Hưng	26.208.000	-		Không có phát sinh
	Hoàng Văn Vinh	26.016.000	-		
3	Ban điều hành				
	Trương Văn Cư	Như trên	Như trên		
	Dương Tấn Phong	Như trên	Như trên		
	Trần Văn Toàn	342.941.868	42.952.000		
4	Kế toán trưởng				
	Lâm Quang Phúc	326.260.134	49.500.000		

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (HĐQT, Ban TGD, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên trong năm 2024):

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua bán, chuyển đổi, thưởng..)
			Số CP	Tỷ lệ (%)	Số CP	Tỷ lệ (%)	
01	Tô Minh Trường	Tô Minh Tài	1.100	0,00125	1.000	0,00113	bán

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

Tên gọi	Quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền (Triệu đồng)
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Công ty mẹ	Chia trả cổ tức	190.499
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên – Kampong Thom (TKR)	Công ty con	Cổ tức nhận được	54.966
Công ty TNHH Phát triển Cao su Tân Biên – Kampong Thom	Công ty con gián tiếp	Mua mủ cao su	199.470
Caoutchouc Mekong Co., Ltd	Công ty con gián tiếp	Mua mủ cao su	190.505
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam	Cùng Công ty mẹ	Cổ tức nhận được	933

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

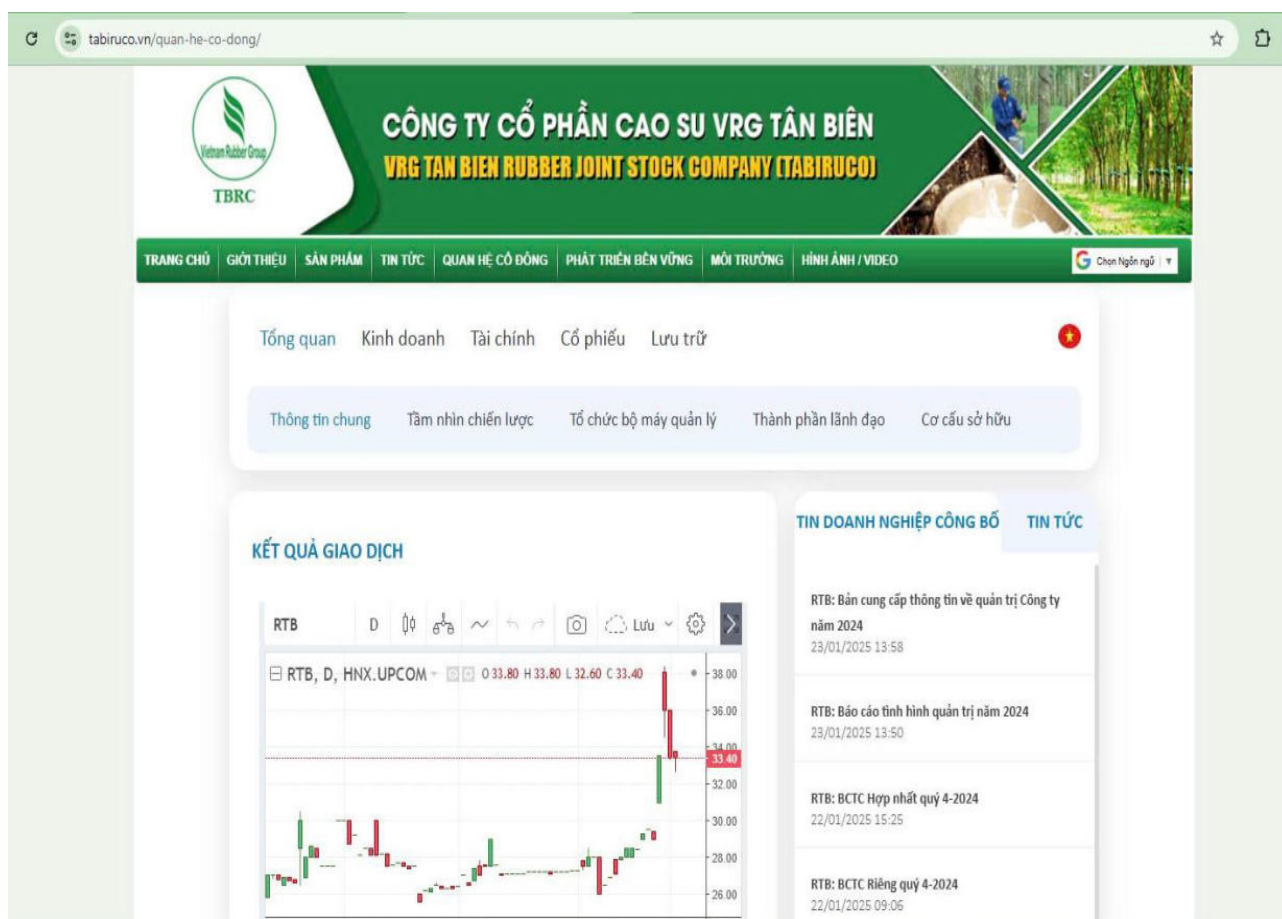
Nhìn chung trong năm 2024 vừa qua, HĐQT và Ban điều hành đã thực hiện tốt công tác quản trị công ty. Thường xuyên phản ứng kịp thời và đầy đủ trước các vấn đề phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Hoạt động công bố thông tin và tương tác với cổ đông là vô cùng cần thiết. Vì vậy, bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty luôn theo sát và duy trì mối quan hệ với các cổ đông. Duy trì một kênh thông tin tương tác giữa RTB và cổ đông là một nhiệm vụ được công ty chú trọng trong các năm qua. Công ty thường xuyên cập nhật các thông tin quan trọng và liên quan đến hoạt động của công ty quý nhà đầu tư có thể theo dõi chi tiết tại:

<http://www.tabiruco.vn/quan-he-co-dong/>

RTB luôn cố gắng đổi mới và thúc đẩy kênh đối thoại với các cổ đông thông qua Bộ phận công bố thông tin nhằm tiếp sức cho Ban điều hành trong công tác điều hành và quản trị công ty.



The screenshot displays the website for Vietnam Rubber Group (VRG) Joint Stock Company (TABIRUCO). The page is titled "CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU VRG TÂN BIÊN" and "VRG TAN BIEN RUBBER JOINT STOCK COMPANY (TABIRUCO)". The navigation menu includes: TRANG CHỦ, GIỚI THIỆU, SẢN PHẨM, TIN TỨC, QUAN HỆ CỔ ĐÔNG, PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, MÔI TRƯỜNG, HÌNH ẢNH / VIDEO. The main content area features a "KẾT QUẢ GIAO DỊCH" section with a stock price chart for RTB, D, HNX.UPCOM, showing a price of 33.40. The chart also displays the opening price (O) at 33.80, high (H) at 33.80, low (L) at 32.60, and closing price (C) at 33.40. To the right, there is a "TIN DOANH NGHIỆP CÔNG BỐ" section with a list of news items:

- RTB: Bản cung cấp thông tin về quản trị Công ty năm 2024 (23/01/2025 13:58)
- RTB: Báo cáo tình hình quản trị năm 2024 (23/01/2025 13:50)
- RTB: BCTC Hợp nhất quý 4-2024 (22/01/2025 15:25)
- RTB: BCTC Riêng quý 4-2024 (22/01/2025 09:06)

CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN



Tây Ninh ngày 17 tháng 03 năm 2025
Xác nhận của người đại diện trước pháp luật
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trương Văn Cư

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG KIỂM TOÁN 2024



Số: 200225. 001 /BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên được lập ngày 20 tháng 02 năm 2025, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Trung Hiếu

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2023-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2025

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam A member of HLB International

Lê Trường Long

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5480-2025-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		347.431.630.176	344.815.920.304
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	79.831.244.879	76.067.034.459
111	1. Tiền		59.746.362.455	28.318.929.079
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.084.882.424	47.748.105.380
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	176.525.804.456	106.415.890.441
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		176.525.804.456	106.415.890.441
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		19.422.847.875	28.591.481.137
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	10.762.488.966	19.174.182.755
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	459.840.000	686.718.604
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	8.200.518.909	8.730.579.778
140	IV. Hàng tồn kho	08	63.262.795.104	119.729.917.760
141	1. Hàng tồn kho		63.262.795.104	119.729.917.760
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		8.388.937.862	14.011.596.507
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	957.367.981	1.204.409.713
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		6.013.481.717	11.171.094.924
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	1.418.088.164	1.636.091.870
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.144.448.861.722	1.108.274.669.381
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	220.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	-	220.000.000
220	II. Tài sản cố định		117.999.368.859	85.601.573.574
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	117.999.368.859	85.601.573.574
222	- Nguyên giá		348.537.853.231	331.442.103.309
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(230.538.484.372)	(245.840.529.735)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	- Nguyên giá		345.068.540	345.068.540
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(345.068.540)	(345.068.540)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	09	173.898.173.307	166.763.574.558
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		173.898.173.307	166.763.574.558
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	04	848.168.116.504	851.035.314.457
251	1. Đầu tư vào công ty con		795.041.141.348	795.041.141.348
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		16.091.369.631	16.091.369.631
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		41.306.446.741	41.306.446.741
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(4.270.841.216)	(1.403.643.263)
260	V. Tài sản dài hạn khác		4.383.203.052	4.654.206.792
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	4.383.203.052	4.654.206.792
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.491.880.491.898	1.453.090.589.685

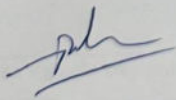
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

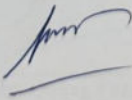
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

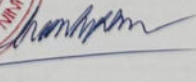
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		113.945.389.064	113.374.028.230
310	I. Nợ ngắn hạn		85.728.225.568	77.096.069.667
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	34.509.629.696	19.192.982.524
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	6.689.689.859	6.538.310.140
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	3.094.360.663	7.870.739
314	4. Phải trả người lao động		20.990.345.378	20.716.423.267
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	2.436.320.613	1.761.330.789
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	12.584.998.360	3.382.635.322
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	-	4.800.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		5.422.880.999	20.696.516.886
330	II. Nợ dài hạn		28.217.163.496	36.277.958.563
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	390.000.000	1.371.991.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	17.559.000.000	23.959.000.000
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		10.268.163.496	10.946.967.563
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.377.935.102.834	1.339.716.561.455
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	1.377.935.102.834	1.339.716.561.455
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		879.450.000.000	879.450.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		879.450.000.000	879.450.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		246.114.300.130	246.114.300.130
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		252.370.802.704	214.152.261.325
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		15.118.261.325	11.538.557.967
421b	LNST chưa phân phối năm nay		237.252.541.379	202.613.703.358
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.491.880.491.898	1.453.090.589.685




Trần Nguyễn Duy Sinh
Người lập


Lâm Quang Phúc
Kế toán trưởng

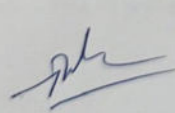

Lâm Thanh Phú
Tổng Giám đốc

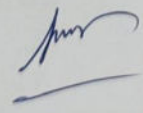
Tây Ninh, ngày 20 tháng 02 năm 2025

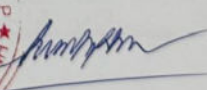
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	625.175.196.590	627.781.708.902
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	2.263.000.810	1.801.124.640
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		622.912.195.780	625.980.584.262
11	4. Giá vốn hàng bán	23	584.927.220.216	612.221.046.132
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		37.984.975.564	13.759.538.130
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	69.780.303.420	111.468.314.011
22	7. Chi phí tài chính	25	6.830.485.999	3.707.584.413
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		194.408.562	361.467.217
25	8. Chi phí bán hàng	26	3.965.546.647	6.065.013.839
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	20.713.935.748	17.154.107.104
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		76.255.310.590	98.301.146.785
31	11. Thu nhập khác	28	211.413.499.873	144.305.434.812
32	12. Chi phí khác	29	9.354.860.289	7.333.755.686
40	13. Lợi nhuận khác		202.058.639.584	136.971.679.126
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		278.313.950.174	235.272.825.911
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	41.061.408.795	27.259.122.553
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		237.252.541.379	208.013.703.358


Trần Nguyễn Duy Sinh
Người lập


Lâm Quang Phúc
Kế toán trưởng

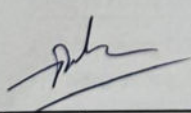

Lâm Thanh Phú
Tổng Giám đốc

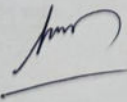
Tây Ninh, ngày 20 tháng 02 năm 2025

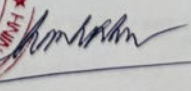
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2024
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		677.081.640.952	635.753.158.644
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(459.074.322.906)	(500.608.253.476)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(57.005.019.879)	(61.975.951.501)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(208.517.900)	(354.011.392)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(37.911.341.223)	(29.423.543.199)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		18.304.286.120	19.995.770.290
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(86.450.538.641)	(95.608.702.112)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		54.736.186.523	(32.221.532.746)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(34.140.801.594)	(32.393.018.981)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		189.573.700.000	135.021.500.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(312.893.971.200)	(125.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		242.784.057.185	121.305.438.546
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		68.177.253.628	109.496.279.408
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		153.500.238.019	208.430.198.973
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	14.000.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(11.200.000.000)	(3.986.800.768)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(193.461.426.200)	(145.120.307.250)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(204.661.426.200)	(135.107.108.018)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		3.574.998.342	41.101.558.209
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		76.067.034.459	35.424.279.867
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		189.212.078	(458.803.617)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		79.831.244.879	76.067.034.459


Trần Nguyễn Duy Sinh
Người lập


Lâm Quang Phúc
Kế toán trưởng


Lâm Thanh Phú
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 20 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN 2024



Số: 200224.002/BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên được lập ngày 20 tháng 02 năm 2024, từ trang 05 đến trang 45, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Trần Trung Hiếu

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2023-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2024

Lê Trường Long

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5480-2025-002-1

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam

A member of HLB International

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		816.794.917.686	559.148.337.111
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	284.310.568.907	169.706.090.341
111	1. Tiền		193.535.061.483	85.451.454.961
112	2. Các khoản tương đương tiền		90.775.507.424	84.254.635.380
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	224.325.804.456	106.415.890.441
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		224.325.804.456	106.415.890.441
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		30.494.253.177	29.559.791.434
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	20.224.534.435	19.174.182.755
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	3.998.429.919	3.598.937.502
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	9.202.656.873	9.545.627.964
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.931.368.050)	(2.758.956.707)
140	IV. Hàng tồn kho	9	197.781.745.736	172.268.436.834
141	1. Hàng tồn kho		197.781.745.736	172.268.436.834
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		79.882.545.410	81.198.128.041
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	957.367.981	1.204.409.713
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		77.472.242.670	78.323.077.036
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	1.452.934.759	1.670.641.292
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.221.178.495.782	2.175.976.309.374
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	220.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	-	220.000.000
220	II. Tài sản cố định		1.975.134.013.610	1.919.874.618.346
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	1.974.311.715.179	1.918.702.741.571
222	- Nguyên giá		3.029.810.443.661	2.822.357.209.358
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.055.498.728.482)	(903.654.467.787)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	822.298.431	1.171.876.775
228	- Nguyên giá		4.257.854.459	4.027.720.042
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.435.556.028)	(2.855.843.267)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		174.160.252.513	167.155.741.319
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	174.160.252.513	167.155.741.319
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	4	53.126.975.156	58.247.945.251
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		13.188.161.126	18.345.141.773
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		41.306.446.741	41.306.446.741
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.367.632.711)	(1.403.643.263)
260	V. Tài sản dài hạn khác		18.757.254.503	30.478.004.458
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	16.534.316.075	23.391.625.730
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	32.a	2.222.938.428	7.086.378.728
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.037.973.413.468	2.735.124.646.485



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		370.478.201.876	407.476.185.062
310	I. Nợ ngắn hạn		247.567.840.056	222.129.683.761
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	20.657.872.197	23.577.631.699
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	6.689.689.859	11.563.421.857
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	61.520.008.272	39.506.896.797
	- Thuế Giá trị gia tăng		1.677.212	-
	- Thuế Tiêu thụ đặc biệt		-	-
	- Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu		-	-
	- Thuế Thu nhập doanh nghiệp		45.532.075.164	23.623.014.493
	- Thuế Thu nhập cá nhân		-	-
	- Thuế Tài nguyên		9.421.520	7.870.739
	- Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất		-	-
	- Thuế bảo vệ môi trường		-	-
	- Các loại thuế khác		15.976.479.946	15.876.011.565
	- Thuế thu nhập tăng thêm		-	-
	- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		354.430	-
314	4. Phải trả người lao động		86.239.797.905	59.759.759.831
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	8.750.186.265	11.105.851.508
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	15.528.673.740	5.565.170.054
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	33.216.187.893	43.687.435.129
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		14.965.423.925	27.363.516.886
330	II. Nợ dài hạn		122.910.361.820	185.346.501.301
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	390.000.000	1.371.991.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	111.671.556.623	173.027.542.738
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32.b	580.641.701	-
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		10.268.163.496	10.946.967.563
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.667.495.211.592	2.327.648.461.423
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	2.667.495.211.592	2.327.648.461.423
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		879.450.000.000	879.450.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		879.450.000.000	879.450.000.000
416	2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		49.139.022.270	49.139.022.270
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		212.348.633.479	146.223.888.774
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		246.114.300.130	246.114.300.130
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421.426.878.501	265.003.811.854
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		61.177.541.763	85.385.279.317
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		360.249.336.738	179.618.532.537
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		859.016.377.212	741.717.438.395
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.037.973.413.468	2.735.124.646.485

Tây Ninh, ngày 20 tháng 02 năm 2024

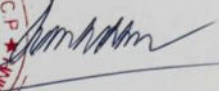
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên
Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây
Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Nguyễn Duy Sinh

Lâm Quang Phúc

Lâm Thanh Phú

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	1.185.760.553.782	954.923.841.505
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	3.602.081.997	2.582.982.538
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.182.158.471.785	952.340.858.967
11	4. Giá vốn hàng bán	24	699.355.171.148	696.883.429.994
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		482.803.300.637	255.457.428.973
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	39.401.178.579	37.929.733.767
22	7. Chi phí tài chính	26	36.469.084.774	41.495.457.871
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		12.371.203.649	20.237.368.614
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(5.156.980.647)	(2.938.555.044)
25	9. Chi phí bán hàng	27	37.649.681.195	29.980.374.914
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	73.057.636.499	61.161.727.508
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		369.871.096.101	157.811.047.403
31	12. Thu nhập khác	29	211.883.918.463	145.009.490.471
32	13. Chi phí khác	30	9.792.051.137	7.623.058.065
40	14. Lợi nhuận khác		202.091.867.326	137.386.432.406
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		571.962.963.427	295.197.479.809
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	82.232.443.097	50.433.584.845
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	32.c	5.444.082.001	965.443.132
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		484.286.438.329	243.798.451.832
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		367.115.327.752	189.594.234.451
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		117.171.110.577	54.204.217.381
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	4.174	2.156

Người lập

Trần Nguyễn Duy Sinh

Kế toán trưởng

Lâm Quang Phúc

Tây Ninh, ngày 20 tháng 02 năm 2024

Tổng Giám đốc



Lâm Thanh Phú

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		571.962.963.427	295.197.479.809
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		147.120.557.414	133.488.817.932
03	- Các khoản dự phòng		136.400.791	(20.821.259.947)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.381.396.572	(1.338.566.641)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(196.797.540.185)	(146.609.074.186)
06	- Chi phí lãi vay		12.371.203.649	20.237.368.614
07	- Các khoản điều chỉnh khác		(678.804.067)	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		535.496.177.601	280.154.765.581
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(3.183.462.617)	7.466.428.778
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(25.513.308.902)	86.294.276.599
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(70.598.392.894)	(57.263.717.527)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		88.643.410.726	6.818.458.288
14	- Tiền lãi vay đã trả		(12.410.087.376)	(20.291.804.639)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(63.256.650.543)	(62.465.421.278)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(37.017.379.908)	(45.711.405.397)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		412.160.306.087	195.001.580.405
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(81.539.059.339)	(112.520.244.564)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		189.589.967.555	132.952.060.254
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(399.097.571.200)	(125.540.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		281.187.657.185	125.894.234.136
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		15.681.104.456	16.303.283.584
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		5.822.098.657	37.089.333.410
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	14.000.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(81.540.400.420)	(105.398.919.913)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(231.700.272.618)	(168.799.097.600)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(313.240.673.038)	(260.198.017.513)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		104.741.731.706	(28.107.103.698)

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Trụ sở : Tổ 2 - Thạnh Phú – Tân Hiệp – Tân Châu - Tây Ninh

Điện thoại: 0276. 3875193 – 3875266

Fax: 0276. 3875307

Email: tbrc@tabiruco.vn

Website: www.tabiruco.vn

